

DANH MỤC TÀI LIỆU

STT	DANH MỤC
1	Chương trình Đại hội.
2	Quy chế điều hành tại Đại hội.
3	Báo cáo tóm tắt nội dung sổ cổ đông chốt ngày 11/3/2019 để thực hiện quyền biểu quyết tại Đại hội của Công ty Cổ phần Licogi16.
4	Báo cáo hoạt động của HĐQT.
5	Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018, và kế hoạch SXKD của năm 2019.
6	Tờ trình Thông qua báo cáo tài chính và kết quả SXKD năm 2018 (đã kiểm toán).
7	Tờ trình Lựa chọn công ty kiểm toán cho năm tài chính 2019.
8	Tờ trình Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức, thù lao HĐQT năm 2018.
9	Tờ trình Kế hoạch phân phối lợi nhuận, mức cổ tức, thù lao HĐQT năm 2019.
10	Tờ trình Nội dung phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ.
11	Tờ trình Nội dung phát hành trái phiếu.
12	Tờ trình ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT một số nội dung cho hoạt động năm 2019.
13	Tờ trình Chính sách khuyến khích Ban điều hành 2019-2022.
14	Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 (đã được kiểm toán).

**CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16 (NGÀY 13/4/2019)**

Thời gian	Nội dung chương trình	Người thực hiện
8h00 - 08h45	Tổ chức đón tiếp khách, kiểm tra số lượng và tư cách cổ đông về dự Đại hội, phát phiếu biểu quyết.	Ban kiểm tra tư cách CD và BTC
8h45 - 8h55	Thông qua quy chế điều hành tại đại hội.	MC
8h55 - 9h00	Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông về dự Đại hội.	Ban KT tư cách CD
9h00 - 9h05	Khai mạc, tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần tham dự Đại hội.	MC
9h05 - 9h10	Thông qua Đoàn chủ tịch, Ban thư ký.	MC
9h10 - 9h15	Thông qua chương trình Đại hội	Chủ tịch HĐQT
9h15 - 9h25	Báo cáo của HĐQT về hoạt động của HĐQT năm 2018 và mục tiêu hoạt động năm 2019	Chủ tịch HĐQT
9h25 - 9h35	Báo cáo của Ban giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ của năm 2019	TGD
9h35 -10h00	<i>Trình đại hội các nội dung:</i> 1. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 (đã được kiểm toán) 2. Lựa chọn công ty kiểm toán cho năm tài chính 2019 3. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức, thù lao HĐQT năm 2018 4. Kế hoạch phân phối lợi nhuận, mức cổ tức, thù lao HĐQT năm 2019 5. Thông qua nội dung phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ 6. Thông qua nội dung phát hành trái phiếu 7. Ủy quyền cho HĐQT một số nội dung cho hoạt động năm 2019 8. Chính sách khuyến khích BDH 2019-2022	Thành viên HĐQT
10h00-10h15	Nghỉ giải lao.	
10h15-11h15	Đại hội thảo luận, đóng góp ý kiến.	Đoàn Chủ tịch
11h15-11h25	Đại hội biểu quyết thông qua các nội dung báo cáo và các tờ trình của HĐQT.	Đoàn Chủ tịch
11h25-11h30	Đọc kết quả kiểm phiếu.	Ban kiểm phiếu
11h30 -11h40	Ban thư ký đọc dự thảo Nghị quyết Đại hội. Thông qua nghị quyết ĐH.	Ban thư ký
11h45	Bế mạc đại hội	Đoàn Chủ tịch

QUY CHẾ ĐIỀU HÀNH

TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam năm 2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần LICOGI 16 đã được Đại hội đồng cổ đông sửa đổi bổ sung lần thứ tư và thông qua ngày 5 tháng 5 năm 2018.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng, mục tiêu

- Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 (gọi tắt là Đại hội) của Công ty Cổ phần LICOGI 16 (gọi tắt là Công ty).
- Đảm bảo nguyên tắc, công khai, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành Đại hội được thực hiện thành công tốt đẹp, tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Chương II

THÀNH PHẦN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 2. Thành phần tham gia Đại hội

- Đoàn chủ tịch gồm 03 người là thành viên của Hội đồng quản trị Công ty, trong đó Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tọa Đại hội.
- Ban thư ký Đại hội gồm 02 người.
- Tổ kiểm phiếu biểu quyết gồm 12 người.

Các thành phần trên được đề cử và do Đại hội biểu quyết thông qua.

- Tất cả các cổ đông có tên trong danh sách phân bổ quyền tham dự Đại hội. Số liệu này được căn cứ theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số 190/2019-LCG/VSD-ĐK do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập và cấp ngày 13/03/2019.

Ban kiểm tra tư cách cổ đông gồm 9 người (do Ban tổ chức Đại hội phân công).

- Đại biểu khách mời đại diện cho Sở giao dịch Chứng khoán Tp. HCM, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam – Chi nhánh Tp. HCM và các Sở - Ban ngành khác.

Chương III

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông, đại diện cổ đông

- Tất cả cổ đông, đại diện cổ đông tham dự Đại hội được quyền tham gia đóng góp ý kiến trực tiếp hoặc thông qua đại diện ủy quyền của mình.
- Khi tới tham dự Đại hội cổ đông, đại diện cổ đông phải mang theo Giấy tờ tùy thân và Thư mời tham dự Đại hội nộp cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông (trường hợp được cổ đông ủy quyền tham dự Đại hội phải mang theo Giấy tờ tùy thân và Giấy ủy quyền, không được ủy quyền cho người thứ ba).
- Các cổ đông hoặc đại diện cổ đông khi tới tham dự Đại hội phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban kiểm tra tư cách cổ đông.
- Trường hợp Cổ đông, đại diện cổ đông đến dự Đại hội muộn, có nghĩa vụ đăng ký với ban kiểm tra tư cách cổ đông, sau đó có quyền tham dự và biểu quyết ngay tại Đại hội, Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đăng ký, hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

Điều 4. Quyền và trách nhiệm của Chủ tọa Đại hội

4.1. Chủ tọa có trách nhiệm:

- Chủ trì và điều khiển Đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ, Quy chế đã được Đại hội thông qua. Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung, dân chủ và quyết định theo đa số;
- Chủ tọa trình bày chương trình, nội dung các tờ trình, dự thảo, trả lời hoặc chỉ định cán bộ chuyên môn trả lời chất vấn của các cổ đông, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết.

4.2. Chủ tọa có quyền:

- Thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
- Yêu cầu tất cả mọi người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
- Yêu cầu Ban tổ chức Đại hội trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối làm mất trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp;
- Chủ tọa có quyền hoãn Đại hội khi đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau:
 - + Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả các cổ đông, đại diện cổ đông tham dự.
 - + Cổ đông hoặc đại diện cổ đông dự họp có hành vi cản trở, gây mất trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách dân chủ và hợp pháp...

- Thời gian hoãn cuộc họp tối đa không quá 3 ngày kể từ ngày ra quyết định hoãn.
- Giải quyết các vấn đề phát sinh khác trong suốt quá trình diễn ra Đại hội.
- Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ban thư ký

- Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến tại Đại hội, các vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.
- Soạn thảo và công bố dự thảo Nghị quyết về các vấn đề đã được Đại hội thông qua. Công bố thông tin Biên bản họp và nghị quyết theo qui định.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu

- Hướng dẫn thủ tục biểu quyết, theo Quy chế làm việc của Đại hội.
- Tổng hợp và xác định kết quả biểu quyết, các vấn đề khác được thông qua tại Đại hội.
- Nhanh chóng thông báo cho Ban Thư ký kết quả biểu quyết.
- Xem xét và báo cáo với Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc có sự khiếu nại về kết quả biểu quyết.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông

Tổ chức thẩm tra tư cách cổ đông, đại diện cổ đông tham dự Đại hội, lập Biên bản và công bố kết quả thẩm tra tư cách cổ đông trước Đại hội.

Điều 8. Trật tự của Đại hội

- Cổ đông, đại diện cổ đông khi vào hội trường phải tuyệt đối tuân thủ theo sự sắp xếp vị trí ngồi của Ban tổ chức.
- Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội, tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc không để chế độ chuông.
- Các cổ đông, đại diện cổ đông có trách nhiệm tham dự Đại hội đồng cổ đông từ khi bắt đầu diễn ra Đại hội cho đến khi kết thúc Đại hội. Trong trường hợp cổ đông, đại diện cổ đông nào vì lý do bất khả kháng phải rời khỏi cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội thì cổ đông, đại diện cổ đông đó có trách nhiệm liên hệ với Ban Tổ chức để thông báo ý kiến bằng văn bản của mình về những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội. Trường hợp cổ đông, đại diện cổ đông rời cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội mà không thông báo với Ban Tổ chức thì cổ đông đó coi như đã đồng ý với tất cả những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội.

Điều 9. Điều kiện tiến hành Đại hội

Đại hội chỉ được tiến hành khi có số cổ đông, đại diện cổ đông dự họp đạt ít nhất 51% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Chương IV

NỘI DUNG LÀM VIỆC CỦA ĐẠI HỘI

Điều 10. Nội dung làm việc của Đại hội

- Báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động của HĐQT năm 2018 và mục tiêu hoạt động năm 2019.
- Báo cáo của Ban giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ của năm 2019.
- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018.
- Phân phối lợi nhuận, mức cổ tức 2018 và kế hoạch năm 2019.
- Thù lao Hội đồng quản trị năm 2018 và đề xuất mức thù lao năm 2019.
- Lựa chọn Công ty kiểm toán cho năm 2019.
- Nội dung phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ.
- Nội dung phát hành trái phiếu.
- Ủy quyền cho HĐQT một số nội dung cho hoạt động năm 2019.
- Các vấn đề quan trọng khác theo thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.

Điều 11. Phát biểu ý kiến tại Đại hội

Cổ đông, đại diện cổ đông tham dự Đại hội muốn trình bày ý kiến có thể ghi vào phiếu ý kiến mà Công ty đã phát kèm tài liệu khi tham dự Đại Hội. Các ý kiến sẽ chuyển đến bàn Thư ký để chuyển đến Đoàn Chủ tọa.

Điều 12. Thể lệ biểu quyết tại Đại hội

12.1. Nguyên tắc:

Các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội, mỗi cổ đông được cấp một hoặc một số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu hoặc được ủy quyền, phiếu biểu quyết có ghi rõ họ tên, số lượng cổ phần sở hữu và có đóng dấu treo của Công ty.

12.2. Hình thức biểu quyết:

Cổ đông hoặc người được cổ đông ủy quyền biểu quyết các nội dung trong chương trình Đại hội theo hình thức giơ phiếu biểu quyết trực tiếp tại Đại hội:

- + Thông qua Đoàn chủ tịch và Chủ tọa, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu.
- + Thông qua Quy chế điều hành Đại hội; và các Quy chế khác (nếu có).
- + Thông qua các nội dung của Hội đồng quản trị trình Đại hội.
- + Thông qua dự thảo Nghị quyết Đại hội.

12.3. Thông qua các nội dung biểu quyết tại Đại hội:

Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một quyền biểu quyết.

Điều 13. Biên bản và dự thảo Nghị quyết Đại hội

- Biên bản Đại hội: Tất cả các nội dung tại Đại hội phải được Thư ký ghi vào biên bản Đại hội.
- Dự thảo Nghị quyết Đại hội: Căn cứ biên bản Đại hội, kết quả kiểm phiếu, Ban thư ký tổng hợp số liệu và đưa vào dự thảo Nghị quyết Đại hội. Dự thảo Nghị quyết Đại hội được đọc và biểu quyết thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Hiệu lực thi hành

- Tất cả những vấn đề khác không quy định trong quy chế này sẽ được thực hiện theo Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần LICOGI 16.
- Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được công bố trước Đại hội.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



BÙI DƯƠNG HÙNG



CÔNG TY CP LICOGI 16

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số/No.: 01/2019/DSCĐ-ĐHĐCĐ

TPHCM, ngày 18 tháng 3 năm 2019
HCM City, day 18 month 3 year 2019

TÓM TẮT SỔ CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY TẠI NGÀY 11/03/2019 ĐỂ THỰC HIỆN QUYỀN THAM DỰ ĐHĐCĐ 2019
SHAREHOLDING STRUCTURE REGISTERED ON DATE 11/03/2019 FOR THE PURPOSE OF CONFIRMING THE
RIGHTS TO JOIN IN THE ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS OF 2019

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
To: Hochiminh Stock Exchange

I. CƠ CẤU SỞ HỮU/ SHAREHOLDING STRUCTURE:

1. Tỷ lệ cổ đông sở hữu

STT	Đối tượng Subject	Số lượng cổ phiếu Number of shares	Tỷ lệ sở hữu (%) Proportional ownership (%)	Số lượng cổ đông Number of shareholders	Cơ cấu cổ đông (*) Shareholding structure	
					Tổ chức Institution	Cá nhân Individual
1	Cổ đông Nhà nước/The State as shareholder					
2	Cổ đông sáng lập/ Cổ đông FDI/ Founder/ FDI Shareholder					
	- Trong nước/ Domestic					
3	- Nước ngoài/ Foreign					
	Cổ đông lớn/ Major Shareholders	31.014.524	40,71	3	2	1
	- Trong nước/ Domestic	5.250.044	5,25	1		1

	- Nước ngoài/ Foreign	25.764.480	25,76	2	2
	Công đoàn Công ty/ Labor Union	6.750	0,01	1	1
4	- Trong nước/ Domestic	6.750	0,01	1	1
	- Nước ngoài/ Foreign				
5	Cổ phiếu quỹ/ Treasury shares	2.000.338	2,00	1	1
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)/ Preferred stocks				
	Cổ đông khác/ Other shareholders	66.978.388	66,98	3.522	60
	- Trong nước/ Domestic	66.097.540	66,10	3.471	52
7	- Nước ngoài/ Foreign	880.848	0,88	51	8
	TỔNG CỘNG/ TOTAL	100.000.000	100,00	3.527	64
	Trong đó: - Trong nước/ Domestic	73.354.672	73,35	3.474	54
	- Nước ngoài/ Foreign	26.645.328	26,65	53	10
					43

2. Cơ cấu sở hữu theo Cổ đông lớn và Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (NĐTCKCN)

Shareholding structure on Major shareholder and professional investor basis

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (*)/ Shareholding structure	
NO.	Subject	Number of Share	Proportional ownership (%)	Number of Shareholders	Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông lớn sở hữu từ 5% vốn CP trở lên không phải là NĐTCKCN/ Major Shareholders (excluding Professional investors) - Trong nước/ Domestic - Nước ngoài/ Foreign	5.250.044	5,25	1		1
2	NĐTCKCN là cổ đông lớn sở hữu từ 5% VDL trở lên/ Professional investors holding an amount of share exceeding 5% of paid-up capital - Trong nước/ Domestic - Nước ngoài/ Foreign	25.764.480	25,76	2		
		25.764.480	25,76	2		2

3	NĐTCKCN là cổ đông sở hữu < 5% VDL Professional investors which hold share in an amount under 5 % of the paid-up capital	1.509.989	1,51	50	50
	- Trong nước/ Domestic	1.198.639	1,20	42	42
	- Nước ngoài/ Foreign	311.350	0,31	8	8
	TỔNG CỘNG/ Total	32.524.513	32,52	53	52
					1

3. Loại hình sở hữu

Đối tượng	Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng		Số lượng CP chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	(1)	(2)	(3)	4=2+3	5
I. Cổ đông nội bộ			11.681.524	11.681.524	11,68
II. Cổ phiếu quỹ			2.000.338	2.000.338	2,00
III. Công đoàn Công ty			6.750	6.750	0,01
IV. Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)					
V. Cổ đông khác					
1. Trong nước			86.311.388	86.311.388	86,31
1.1 Cá nhân			53.969.819	53.969.819	53,97
1.2 Tổ chức			5.746.241	5.746.241	5,74
Trong đó Nhà nước:					
2. Nước ngoài			26.595.328	26.595.328	26,60
2.1 Cá nhân			519.498	519.498	0,52
2.2 Tổ chức			26.075.830	26.075.830	26,08
TỔNG CỘNG:			100.000.000	100.000.000	100,00

II. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG ĐẶC BIỆT
LIST OF SHAREHOLDERS BY TYPE:

STT	Tên tổ chức/cá nhân/	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD/	Ngày cấp	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu/	Tỷ lệ sở hữu (%)	Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng (**)
No	Name of organization/ individual	ID/Passport number	Date of issue	Place of issue	Number of stock	Proportional ownership (%)	Number of transfer restriction shares
A. Cổ đông nhà nước/State shareholders							
Tổng Cộng A/ Total A							
B. Cổ đông lớn/ Major Shareholders							
1	Bùi Dương Hùng	011536707	25/02/2012	A4 khu Licogi 13, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	5.250.044	5,25	0
2	LUCERNE ENTERPRISE LTD	CA6184	28/03/2013	Porteullis TrustNet Chambers, P.O.Box 3444, Road Town, Tortola, British Virgin Island	18.264.480	18,26	0
3	NS ADVISORY INC PTE. LTD.	CB4276	30/01/2018	16 Collyer Quay #20-15, Income at Raffles, Singapore (049318)	7.500.000	7,5	0
Tổng Cộng B/ Total B							
C. Cổ đông chiến lược/ Strategic shareholders							
Tổng Cộng C/ Total C							
D. Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI (đối với trường hợp TCNY là doanh nghiệp FDI)/							
Founding partner/FDI Shareholder (in case Listed company is a FDI company)							
Tổng Cộng D/ Total D							
Tổng Cộng (A+B+C+D)/ Total (A+B+C+D)					31.014.524	40,71	50.044

III. DANH SÁCH CHI TIẾT VỀ CỔ ĐÔNG NỘI BỘ, NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
DETAILED SHAREHOLDING OF INTERNAL PERSONS

STT No.	Họ tên Name	Chức vụ Position	Số lượng CP Number of shares			Tỷ lệ sở hữu (%) Proportional ownership (%)
			Hạn chế chuyển nhượng(*) Transfer restriction	Chuyển nhượng tự do(*) Free transfer	Tổng cộng Total	
1	Bùi Dương Hưng	Chủ tịch HĐQT		5.250.044	5.250.044	5,25
2	Phan Ngọc Hiếu	Thành viên HĐQT		4.900.000	4.900.000	4,90
3	Lê Vũ Nam	Thành viên HĐQT		50.000	50.000	0,05
4	Budiman Satrio Sudono Liem	Thành viên HĐQT		50.000	50.000	0,05
5	Đinh Thị Hiền	Thành viên HĐQT		697.100	697.100	0,69
6	Tăng Quốc Thuộc	Tổng Giám đốc		629.250	629.250	0,63
7	Phí Ngọc Anh	GD Thị công		36.000	36.000	0,04
8	Lê Thị Phương Nam	GD Hành chính Quản trị		27.130	27.130	0,03
9	Nguyễn Tâm Hòa	Giám đốc KTKH		0	0	0
10	Nguyễn Văn Việt	Kế toán trưởng		18.000	18.000	0,02
11	Nguyễn Dương Hoàng Anh Khoa	Người được UQ CBTT		24.000	24.000	0,02
TỔNG CỘNG/TOTAL:				11.681.524	11.681.524	11,68

Người UQ CBTT

Authorized person to disclose information



NGUYỄN DƯƠNG HOÀNG ANH KHOA

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 2 tháng 04 năm 2019

BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2018 & MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI16

Hội đồng Quản trị báo cáo Đại hội về hoạt động của HĐQT năm 2018, phương hướng nhiệm vụ của năm 2019.

A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN TRONG NĂM 2018

I/ Cơ cấu, các quyết định và kết quả thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018

1. Cơ cấu thành viên và phân công nhiệm vụ trong Hội đồng Quản trị

Cơ cấu Hội đồng Quản trị hiện tại gồm 5 thành viên, trong đó có 3 thành viên không điều hành bao gồm 02 thành viên độc lập. Hội đồng Quản trị luôn tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị của Công ty; theo dõi sát sao tình hình hoạt động của công ty để đưa ra những chỉ đạo và định hướng phù hợp, đồng thời kiểm soát việc thực thi của Ban giám đốc để bảo vệ quyền lợi chung của Công ty.

2. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị

Trong năm 2018, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần LICOGI 16 đã tổ chức 10 cuộc họp chính vào các ngày 19/01/2018, 26/01/2018, 01/02/2018, 09/03/2018, 24/03/2018, 26/04/2018, 04/06/2018, 23/07/2018, 14/08/2018, 01/11/2018.

Theo đó một số chủ trương, quyết sách quan trọng đã được Hội đồng Quản trị thông qua.



3. Các Nghị quyết; Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị đã được ban hành:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	02/QĐ-LICOGI16-HĐQT	19/01/2018	QĐ của HĐQT về gia hạn thời gian nộp tiền mua cổ phần chào bán của đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ đến 30/01/2018
2	03/NQ-LICOGI16-HĐQT	26/01/2018	Nghị quyết HĐQT bổ nhiệm Kế toán trưởng và người đại diện vốn góp tại Công ty CP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn
3	07/NQ-LICOGI16-HĐQT	01/02/2018	Nghị quyết HĐQT thông qua kết quả phát hành cổ phiếu riêng lẻ
4	08/NQ-LICOGI16-HĐQT	09/03/2018	Nghị quyết HĐQT về chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ 2018
5	11/QĐ-LICOGI16-HĐQT & 12/QĐ-LICOGI16-HĐQT	24/04/2018	Thành lập ban đánh giá hoạt động công ty và bổ nhiệm người quản trị công ty.
6	14/QĐ-LICOGI16-HĐQT	03/05/2018	Thay đổi mức vốn đầu tư các dự án.
7	16/NQ-LICOGI16-HĐQT	05/06/2018	Nghị quyết HĐQT mua lại cổ phiếu quỹ
8	18/QĐ-LICOGI16-HĐQT	18/06/2018	NQ HĐQT chọn E&Y VN làm đơn vị kiểm toán BCTC 2018
9	22/QĐ-LICOGI16-HĐQT	23/07/2018	QĐ HĐQT mua lại cổ phần tại Công ty CP Licons Việt Nam
10	23/QĐ-LICOGI16-HĐQT	24/07/2018	QĐ HĐQT góp vốn vào DN dự án: Công ty CP Cấp nước Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị
11	25/NQ-LICOGI16-HĐQT	14/08/2018	NQ HĐQT về chi trả cổ tức 2017 bằng tiền mặt
12	29/NQ-LICOGI16-HĐQT	01/11/2018	Nghị quyết HĐQT về góp vốn thành lập Công ty CP BĐS LICOGI 16, thoái vốn khỏi Công ty CP LICOGI 16 M&C và một số nội dung khác.
13	30/QĐ-LICOGI16-HĐQT	13/11/2018	QĐ HĐQT cử người đại diện vốn góp tại LICOGI 166
14	31/QĐ-LICOGI16-HĐQT	19/11/2018	QĐ HĐQT bổ nhiệm bà Lê Thị Phương Nam làm Giám đốc Hành chính – Quản trị

4. Kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông 2018

Stt	Chủ trương thông qua của ĐHĐCĐ 2018	Kết quả thực hiện
1	Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018	Doanh thu hợp nhất hoàn thành 103 % kế hoạch và lợi nhuận hợp nhất đạt 131%
2	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	Đề trình Đại hội thông qua 6% LNST
3	Chọn Công ty Kiểm toán	Hoàn thành
4	Sửa đổi điều lệ	Hoàn thành
5	Thực hiện định hướng chiến lược	Đang thực hiện theo đúng kế hoạch
6	Chia cổ tức 2018 là 10%	Đề trình ĐHĐCĐ thông qua 7% bằng TM và 5% cổ phiếu

II. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trong năm 2018 vừa qua, Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện đúng định hướng chiến lược 2016-2020 mà Đại hội đồng cổ đông 2016 đã thông qua và điều chỉnh tại Đại hội cổ đông năm 2017 như sau:

1. Hoạt động sản xuất kinh doanh:

* Đối với mảng xây dựng:

GDP cả năm 2018 tăng 7,08%, là mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 trở về đây. Ngành xây dựng năm 2018 duy trì được mức tăng trưởng khá với tốc độ 9,16%, đóng góp 0,65 điểm phần trăm.

Sự tăng trưởng kinh tế của toàn xã hội giúp doanh nghiệp Xây dựng cũng có được môi trường kinh doanh thuận lợi hơn với nhiều chuyển biến tích cực. Bên cạnh đó, doanh nghiệp xây dựng vẫn rất cần các giải pháp nguồn vốn phát triển bền vững ngành Xây dựng vì phần lớn các doanh nghiệp trong ngành Xây dựng phụ thuộc rất lớn vào nguồn vốn đi vay, chủ yếu là từ ngân hàng. Thuận lợi nhất là tốc độ đô thị hóa nhanh trong tương lai sẽ là nền tảng để tăng trưởng cho ngành Xây dựng.

Đóng góp vào doanh thu xây dựng của LICOGI 16 năm 2018 có thể kể đến doanh thu lớn của nhóm ngành công trình giao thông như cao tốc Bắc Giang – Lạng Sơn, cao tốc Hạ Long – Vân-Đồn; nhóm công trình ngành nước như Trạm điều tiết Tây Mỗ thuộc dự án nước Sông Đà, nhà máy nước Phú Ninh, nhóm công trình dân dụng có Chung cư Hiệp Thành và công trình truyền tải điện. Doanh thu xây dựng đạt 1.838 tỷ đồng, đạt 175% so với cùng kỳ 2017 (1.049 tỷ đồng).

Hợp đồng mới trong 2018 là hợp đồng thi công 10 gói thầu với tổng giá trị thực hiện khoảng 1.027 tỷ đồng; trong đó, có 7 gói làm đường cao tốc có tổng chiều dài khoảng 15km và 3 gói thi công cầu, thời gian thi công 15 tháng.

Năm 2018, Công ty tập trung tối đa nguồn lực để tìm kiếm công việc trong lĩnh vực Xây dựng, trong đó chú trọng đến các dự án lớn về hạ tầng, tăng cường đầu tư đồng bộ, hiện đại máy móc thiết bị, khẳng định thương hiệu là một trong những doanh nghiệp lớn thi công hạ tầng giao thông và nâng tầm thành vị thế tổng thầu EPC.

*** Đối với lĩnh vực bất động sản:**

So với Hà Nội và TP. HCM, bất động sản ở các tỉnh cũng không chịu thua kém về sức hút đầu tư, đặc biệt là những dự án hạ tầng đã và đang hình thành là tiềm năng cho thị trường bất động sản và nếu biết nắm bắt cơ hội chủ đầu tư sẽ gặt hái thành công.

Công ty con của LICOGI 16: Công ty TNHH XD TM – DV 12 đã thành công trong việc xây dựng, kinh doanh và bàn giao Chung cư The Parkland với tổng cộng 458 căn hộ ở khu vực quận 12, TP. HCM - một trong 2 thị trường đầu tàu về nguồn cung nhà ở chung cư (Hà Nội, TP. HCM).

LICOGI 16 tập trung đầu tư, kinh doanh các dự án hiện hữu: KDC Hiệp Thành, quận 12, TP. HCM; KDC Long Tân, TP. Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai; Khu đô thị Nam Phương, TP Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Dòng thu của bất động sản liên tục, tập trung số lượng lớn đã hỗ trợ cho dòng tiền hoạt động chung của Công ty trong những lúc thiếu hụt về dòng tiền.

*** Đối với lĩnh vực đầu tư:**

Về dự án ngành nước, hiện tại nguồn vốn đầu tư cho các dự án NMN Phú Ninh, Cần Thơ, An Khê, Đankia, và Đông Nam Quảng Trị khoảng 200 tỷ đồng, dự kiến nâng lên đến 400 tỷ đồng vào năm 2020.

Mảng năng lượng tái tạo, LICOGI 16 đang đầu tư và đề xuất các dự án điện mặt trời có tổng công suất đến 370MWp như Solar Chư Ngọc, Solar Bình Thuận... Về điện gió có dự án Pleiku 100MWp, Hướng Hóa - Quảng Trị 100MWp. Tổng mức đầu tư lên đến hơn 12.000 tỷ đồng.

LICOGI 16 tham gia vào các dự án các dự án phát triển ngành công nghiệp điện năng không chỉ thúc đẩy kinh tế - xã hội của địa phương ngày một đi lên mà còn thể hiện trách nhiệm môi trường của doanh nghiệp khi khai thác các giải pháp năng lượng tái tạo, sử dụng tài nguyên hiệu quả và bền vững.

2. Công tác tài chính

Năm 2018, HĐQT điều hành dòng tiền linh hoạt nhằm đảm bảo hoạt động công ty diễn ra suôn sẻ và liên tục. Tối ưu hóa dòng tiền, tích cực bám sát thị trường tài chính để tìm kiếm nguồn vốn với chi phí rẻ giảm chi phí lãi vay.

Về chi trả cổ tức 2018:

Theo thực tế thực hiện kết quả kinh doanh năm 2018, HĐQT đề xuất trình ĐHĐCĐ và được thông qua mức chi là 7% bằng tiền mặt và 5% bằng cổ phiếu. Thời gian chi trả ủy quyền cho HĐQT chủ động thực hiện việc chốt danh sách và xác định thời gian chi trả cổ tức, trong đó không chế thời điểm chốt danh sách theo quy định.

3. Công tác phát triển nguồn nhân lực

Công ty Cổ phần LICOGI 16 đặc biệt chú trọng công tác nguồn nhân lực. Hội đồng Quản trị chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng phát triển trình độ chuyên môn, áp dụng công nghệ mới để đảm bảo nguồn nhân lực cho chiến lược phát triển của Công ty. Công ty cũng bố trí nhân viên đi học hoặc hợp đồng các đơn vị đào tạo về nghiệp vụ, chuyên môn.

Từ tháng 04/2018, Hội đồng quản trị LICOGI 16 đã quyết định thành lập ban đánh giá hoạt động công ty để khảo sát, kiểm tra và đánh giá lại toàn bộ hoạt động của công ty, đồng thời đề xuất giải pháp điều chỉnh, thay đổi phù hợp. Chương trình tái cấu trúc toàn diện đang diễn ra mạnh mẽ. Quyết liệt cải cách nhân sự là mục tiêu lớn, trọng điểm của LICOGI 16 trong giai đoạn hiện tại. Mục đích làm sao xây dựng đội ngũ nhân sự hiệu quả trong công tác, đảm bảo người lao động được bố trí đúng năng lực và thu nhập của người lao động tương xứng với hiệu quả công việc và mức độ đóng góp vào thành quả của công ty.

4. Công tác thay đổi mô hình tổ chức Công ty và tăng cường công tác giao quyền tự chủ cho các đơn vị sản xuất

Công ty mẹ chọn lựa mô hình quản lý các công ty con, công ty thành viên trong toàn hệ thống sao cho hợp lý, tăng cường hiệu quả kiểm soát.

LICOGI 16 đang dần hoàn thiện mô hình Holdings, hoạt động trong 5 lĩnh vực gồm Hạ tầng Giao thông, Bất động sản, Hạ tầng tiện ích Nước, Hạ tầng Năng lượng tái tạo và Tổng thầu Xây dựng.

Các công ty con chuyên ngành đã thành lập:

- CT CP Đầu tư Tiềm ích LICOGI 16 (LCG nắm 75% VCSH)
- CT CP Đầu tư Hạ tầng LICOGI 16 (LCG nắm 95% VCSH)
- CT CP Đầu tư Năng lượng tái tạo LICOGI 16 (LCG nắm 88% VCSH)
- CT CP Bất động sản LICOGI 16 (LCG nắm giữ 95% VCSH)

III. LƯƠNG, THÙ LAO VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tại đại hội cổ đông thường niên năm 2018, đại hội đã thông qua thù lao đối với HĐQT, Ban thư ký LICOGI 16 là 0,2% doanh thu thuần hợp nhất và trích Quỹ thưởng HĐQT là 1% lợi nhuận sau thuế.

Thực tế đã chi trả ngân sách hoạt động, quỹ lương và thù lao trong năm 2018 cho HĐQT,, Ban Thư ký là 0,139% doanh thu thuần hợp nhất, phần còn lại sẽ được chi trả trong năm 2019 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2018.

IV. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Hội đồng Quản trị luôn theo dõi sát sao hoạt động của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong việc thực thi các Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông và Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị. Giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị nhằm tạo thuận lợi cho hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc.
- Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT: Các tiểu ban hoạt động theo nhiệm vụ được giao, giúp việc hiệu quả cho Hội đồng Quản trị trong công tác giám sát, tổ chức và quản trị thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.
- Hội đồng Quản trị thường xuyên trao đổi với Ban Tổng Giám đốc để bám sát tình hình sản xuất kinh doanh đầu tư cũng như kịp thời chỉ đạo thực hiện các quyết sách và định hướng của Hội đồng Quản trị.
- Ngoài các cuộc họp định kỳ, HĐQT tổ chức các cuộc họp bất thường cùng với Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ chủ chốt của Công ty để đánh giá việc thực hiện các chủ trương của HĐQT và kết quả kinh doanh hàng tháng, thảo luận một số chủ trương, quyết sách điều hành và kế hoạch kinh doanh tháng tiếp theo cũng như hỗ trợ, giải quyết các vấn đề khó khăn vướng mắc của Ban Tổng Giám đốc.
- Ban Giám đốc luôn bám sát các chỉ tiêu kế hoạch, nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, của HĐQT, chủ động triển khai kế hoạch SXKD, tổ chức thực hiện một cách tích cực nhằm đạt được mục tiêu kế hoạch đã đề ra.

- Trong năm, Ban Giám đốc thực hiện nhiều giải pháp tăng cường công tác quản lý tài chính, kiểm soát chi phí, giao khoán tới cho các công trường giảm thiểu chi phí và nâng cao hiệu quả hoạt động.
- Ban Giám đốc đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, chăm lo tốt đời sống người lao động; chủ động tổ chức đánh giá khó khăn, thuận lợi trong hoạt động SXKD hàng năm, chỉ rõ những hạn chế và tồn tại nhằm tìm giải pháp khắc phục.
- HĐQT ghi nhận nỗ lực cố gắng toàn thể Ban Giám đốc, CBCNV toàn công ty, tiêu biểu khối BDS đã giúp dòng tiền ổn định, tạo nguồn đầu tư vào các lĩnh vực khác theo mô hình Holdings chiến lược.

V. THÔNG TIN SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA CÁN BỘ CHỦ CHỐT VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO DANH SÁCH CHỐT NGÀY 11/03/2019

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng CP			
			Hạn chế chuyển nhượng	Chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Bùi Dương Hùng	Chủ tịch HĐQT		5.250.044	5.250.044	5,25
2	Phan Ngọc Hiếu	Thành viên HĐQT		4.900.000	4.900.000	4,90
3	Lê Vũ Nam	Thành viên HĐQT		50.000	50.000	0,05
4	Budiman Satrio Sudono Liem	Thành viên HĐQT		50.000	50.000	0,05
5	Đinh Thị Hiền	Thành viên HĐQT		697.100	697.100	0,69
6	Tăng Quốc Thuộc	Tổng Giám đốc		629.250	629.250	0,63
7	Phí Ngọc Anh	GD Thi công		36.000	36.000	0,04
8	Lê Thị Phương Nam	GD Hành chính - Quản trị		27.130	27.130	0,03
9	Nguyễn Tâm Hòa	Giám đốc KTKH		0	0	0
10	Nguyễn Văn Việt	Kế toán trưởng		18.000	18.000	0,02
11	Nguyễn Dương Hoàng Anh Khoa	Người được UQ, CBTT		24.000	24.000	0,02
TỔNG CỘNG/TOTAL:				11.681.524	11.681.524	11,68

B. MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2019

Năm 2019, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, bất động sản được kỳ vọng có những thành tựu tốt đẹp hơn trong bối cảnh nền kinh tế tiếp tục được đánh giá tăng trưởng vượt bậc.

LICOGI 16 vẫn tiếp tục thực hiện theo định hướng chiến lược 2016-2020 đã được ĐHĐCĐ năm 2016 thông qua. Cụ thể:

- Đối với Bất động sản, tiếp tục triển khai dự án Điền Phước, nhà ở xã hội Nghi Sơn, Long Tân.
- Hạ tầng giao thông: các dự án cao tốc Bắc Giang – Lạng Sơn, Hữu Nghị - Chi Lăng, và các dự án cao tốc lớn khác ở khu vực phía Bắc, nguồn vốn chủ đầu tư dự kiến đến 2025 phải lên đến con số 3.000 tỷ đồng. Đồng thời, song song với vai trò nhà đầu tư, giá trị xây lắp của LICOGI 16 trong vai trò nhà thầu có thể lên đến con số 10.000 tỷ đồng.
- Về dự án ngành nước: hiện tại nguồn vốn đầu tư cho các dự án NMN Phú Ninh, Cần Thơ, An Khê, Đankia, và Đông Nam Quảng Trị đang ở mức 200 tỷ đồng và dự kiến đến 400 tỷ đồng vào 2020.
- Năng lượng tái tạo: LICOGI 16 tiếp tục đầu tư và đề xuất các dự án điện mặt trời, điện gió có tổng công suất đến 370 MWp và tổng mức đầu tư trên 12.000 tỷ đồng.
- Lựa chọn thời điểm thực hiện thích hợp và xây dựng phương án chi tiết để triển khai việc chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ thêm 300 tỷ đồng dựa trên các phương án được Đại hội đồng cổ đông thông qua và chương trình phát hành trái phiếu huy động vốn cho các hoạt động SXKD trong năm.
- Cùng với đó là chiến lược tái cấu trúc lần 2 với các nội dung: tiếp tục hoàn thiện mô hình Holdings, đánh giá và sắp xếp nguồn nhân lực và xây dựng, củng cố nền tảng cho tăng trưởng. Tiếp tục rà soát hoạt động công ty con, công ty liên kết và kiên quyết thoái vốn khỏi các công ty không hoạt động hiệu quả.

Trên đây là báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ Công ty năm 2019.

Trân trọng!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Bùi Dương Hùng

TỜ TRÌNH***“Về việc thông qua báo cáo tài chính và kết quả kinh doanh năm 2018 đã được kiểm toán”***

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội khóa 13 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần LICOGI 16;
- Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty Cổ phần LICOGI 16;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty Cổ phần LICOGI 16 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 đã được công bố thông tin theo quy định, đồng thời được đăng tải trên trang thông tin điện tử của công ty bao gồm:

1. Báo cáo Kiểm toán độc lập của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
2. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018;
3. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018;
4. Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ năm 2018;
5. Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2018;

Trong đó một số chỉ tiêu cơ bản trong BCTC năm 2018 của Công ty CP LICOGI 16 cụ thể như sau:

ĐVT: VND

Nội dung	TH năm 2018	TH năm 2017
Báo cáo tài chính riêng		
Doanh thu thuần	1,841,468,884,399	1,158,091,812,719
Lợi nhuận sau thuế	74,048,556,347	38,524,771,868
Tổng tài sản	4,206,205,816,310	3,467,554,030,974
Vốn chủ sở hữu	1,272,567,779,148	1,071,970,659,304
Vốn cổ phần	1,000,000,000,000	780,000,000,000
Báo cáo tài chính hợp nhất		
Doanh thu thuần	2,501,653,732,138	1,514,865,938,042
Lợi nhuận sau thuế	164,576,999,715	78,061,218,372
Tổng tài sản	4,229,607,240,433	3,564,304,376,593
Vốn chủ sở hữu	1,472,507,092,009	1,127,812,229,398
Vốn cổ phần	1,000,000,000,000	780,000,000,000

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt thông qua.

TM, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Bùi Dương Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 02 /TTr-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, Ngày 2 tháng 4 năm 2019

TỜ TRÌNH

“Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019”

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội khóa 13 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần LICOGI 16;
- Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty Cổ phần LICOGI 16;

Để đảm bảo quyền lợi là lợi ích cho cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty CP Licogi16 kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong bốn đơn vị kiểm toán có năng lực, được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán năm 2019 cho công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán như sau:

1. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
2. Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS)
3. Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA)
4. Công ty TNHH KPMG

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt thông qua.

Trân trọng cảm ơn.

Nguyễn TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *Nguyễn*



Bùi Dương Hùng

TỜ TRÌNH

**“Về việc thông qua việc phân phối lợi nhuận, chi cổ tức
và báo cáo chi thù lao HĐQT năm 2018”**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội khóa 13 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần LICOGI 16;
- Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty Cổ phần LICOGI 16;

Trên cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018, Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ phương án phân phối lợi nhuận và cổ tức năm 2018 như sau:

1. Phân phối lợi nhuận: Theo đúng nội dung đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2018

Đơn vị tính: VNĐ

Stt	Chỉ tiêu	Tỷ lệ (%)	Gía trị
I	Lợi nhuận sau thuế (Báo cáo Kiểm toán hợp nhất)		178,057,178,465
1	Các năm trước để lại		13,480,178,750
2	Năm 2018		164,576,999,715
II	Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2018		129,119,984,380
1	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	6%	9,874,619,983
2	Chi cổ tức	12%	117,599,594,400
3	Thưởng HĐQT	1%	1,645,769,997
III	Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi phân phối		48,937,194,085

2. Chia cổ tức năm 2018:

Theo Kế hoạch trình ĐHĐCĐ năm 2018 thông qua là 10%, tuy nhiên căn cứ kết quả hoạt động SXKD năm 2018, HĐQT đề xuất trình ĐHĐCĐ điều chỉnh thông qua mức chi cổ tức là 12% trong đó 7% bằng tiền mặt và 5% bằng cổ phiếu.

Về thời gian chi trả: Ủy quyền cho HĐQT chủ động thực hiện việc chốt danh sách và xác định thời gian chi trả cổ tức trong đó không chế thời điểm chốt danh sách theo quy định.

3. Báo cáo ngân sách hoạt động, lương và thù lao thực tế HĐQT, Ban thư ký năm 2018

Tại đại hội cổ đông thường niên năm 2018, Đại hội đã thông qua mức thù lao đối với HĐQT là 0,2% doanh thu thuần hợp nhất.

Ngân sách hoạt động, lương và mức thù lao thực tế đã chi trả năm 2018 cho HĐQT, Ban thư ký là: tương ứng 0.139 % doanh thu thuần hợp nhất. Phần còn lại sẽ chi vào năm 2019 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt thông qua việc phân phối lợi nhuận, chia cổ tức, ngân sách hoạt động, lương và mức thù lao đối với HĐQT, Ban thư ký cho năm 2018.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Bùi Dương Hùng

TỜ TRÌNH

**“Về việc thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận, chi cổ tức năm 2019
và kế hoạch thù lao HĐQT năm 2019 ”**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội khóa 13 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần LICOGI 16;
- Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty Cổ phần LICOGI 16;

1. Kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi cổ tức năm 2019

- | | |
|---|---|
| - Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi | :10% lợi nhuận sau thuế. |
| - Trích Quỹ thưởng Hội đồng quản trị | :1% lợi nhuận sau thuế. |
| - Trích Quỹ thưởng Ban điều hành và cán bộ chủ chốt | : Theo tờ trình số 08 về chính sách khuyến khích Ban điều hành. |
| - Chi cổ tức | :12%/ vốn điều lệ (5% bằng cổ phiếu và 7% bằng tiền) |

2. Kế hoạch ngân sách hoạt động, quỹ lương và thù lao HĐQT dự kiến chi trả năm 2019

Căn cứ thực tế quy mô của Công ty và kế hoạch kinh doanh năm 2019, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua Ngân sách hoạt động, quỹ lương và thù lao cho HĐQT, Người phụ trách quản trị, ban thư ký Công ty LICOGI 16 tương ứng là 0,2% doanh thu thuần của báo cáo tài chính hợp nhất. Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT xác định mức thù lao cụ thể cho từng thành viên.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét phê duyệt.

Trân trọng cảm ơn.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Bùi Dương Hùng

Số: 05/TTr-HĐQT

Tp Hồ Chí Minh, ngày 2. tháng 4. năm 2019

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

(V/v: Thông qua phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ công ty)

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần Licogi 16

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;
- Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP;
- Thông tư số 162/2015/TT-BTC ngày 26/10/2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, chào bán thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Licogi 16;
- Nhu cầu thực tế về vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Licogi 16 kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 xem xét và thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ như sau:

PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ:

I. Phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ:

1. Tổ chức chào bán : Công ty cổ phần Licogi 16
2. Tên cổ phiếu chào bán: Cổ phiếu Công ty cổ phần Licogi 16
3. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
4. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
5. Số lượng cổ phiếu chào bán: 30.000.000 cổ phiếu
6. Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá dự kiến là 300.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm tỷ đồng)
7. Vốn điều lệ trước khi chào bán : 1.000.000.000.000 đồng



8. Vốn điều lệ dự kiến sau khi chào bán: 1.300.000.000.000 đồng

9. Đối tượng chào bán: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại thời điểm chốt danh sách cổ đông được quyền mua cổ phần chào bán.

Thời điểm chốt danh sách cổ đông sẽ do Hội đồng quản trị công ty thông báo sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận chào bán chứng khoán.

10. Phương thức chào bán: Cổ phiếu được chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua.

11. Tỷ lệ thực hiện quyền: 10 : 03 (nghĩa là cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền mua, cứ 10 quyền mua được mua 03 cổ phiếu mới).

12. Giá chào bán: 10.000 (mười nghìn) đồng/ cổ phần

13. Căn cứ đề xuất mức giá cổ phiếu chào bán:

✓ Căn cứ giá trị sổ sách của cổ phần:

$$\text{Giá trị sổ sách của cổ phiếu} = \frac{\text{Tổng vốn chủ sở hữu – Nguồn kinh phí và quỹ khác}}{\text{Số cổ phiếu đang lưu hành}}$$

- Giá trị sổ sách của cổ phiếu LCG tại thời điểm 31/12/2018 như sau:

$$\text{Giá trị sổ sách của cổ phiếu} = \frac{1.472.507.092.009}{97.999.662} = 15.026 \text{ đồng}^1/\text{cổ phiếu}$$

✓ Căn cứ giá giao dịch của cổ phiếu LCG:

Giá đóng cửa của cổ phiếu LCG tại ngày 25/3/2019 là 10.750 đồng/cổ phiếu. Khối lượng giao dịch cổ phiếu LCG thấp so với tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành của công ty.

Tuy nhiên đây là đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, để bảo vệ quyền và lợi ích của cổ đông hiện hữu và nâng cao khả năng chào bán thành công, căn cứ giá trị sổ sách của cổ phiếu và giá giao dịch của cổ phiếu LCG trên thị trường. Hội đồng quản trị đề xuất Đại hội đồng cổ đông thông qua mức giá chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phiếu.

14. Chuyển nhượng quyền mua: Cổ đông được chuyển nhượng quyền mua của mình cho người khác nhưng chỉ được chuyển nhượng quyền mua một (01) lần với giá do hai bên tự thỏa thuận trong thời gian quy định (được LCG thông báo sau khi nhận Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận chào bán). Người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng lại cho người thứ ba.

Trong trường hợp các cổ đông hiện hữu chuyển nhượng quyền mua cổ phần cho các Nhà đầu tư/ cổ đông khác dẫn đến tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư / cổ đông đó tại LCG vượt qua các mức tỷ lệ phải thực hiện chào mua công khai theo quy định của pháp luật thì Đại hội đồng cổ đông chấp thuận cho Nhà đầu tư/ cổ đông đó được mua cổ phần mà không phải thực hiện các thủ tục chào mua công khai theo quy định.

¹ Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2018

15. Nguyên tắc làm tròn cổ phiếu: Số cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

Ví dụ: "Cổ đông A sở hữu 07 cổ phần tại thời điểm chốt danh sách cổ đông, theo tỷ lệ thực hiện quyền 10 :03 , thì với 07 quyền mua cổ đông A được mua 2,1 cổ phiếu mới chào bán, làm tròn 02 cổ phiếu mới.

16. Phương án xử lý số cổ phiếu lẻ phát sinh và cổ phiếu còn dư do cổ đông không thực hiện quyền mua: Số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn, số cổ phiếu còn dư do cổ đông không thực hiện quyền mua, số cổ phiếu phát sinh do cổ phiếu quỹ không được phân bổ quyền mua sẽ ủy quyền cho Hội đồng quản trị phân phối cho các đối tượng khác (bao gồm nhưng không giới hạn thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm toán nội bộ, Ban lãnh đạo của Công ty, các cổ đông hiện hữu) với giá bằng giá phát hành cho cổ đông hiện hữu (10.000 đồng/cổ phiếu).

Số cổ phiếu lẻ phát sinh hoặc số cổ phiếu còn dư do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết phát sinh được chào bán cho các đối tượng khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán theo quy định.

Trường hợp nhà đầu tư được phân phối cổ phiếu còn dư theo quyết định của Hội đồng quản trị mà dẫn đến tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư đó vượt quá các mức tỷ lệ phải thực hiện chào mua công khai theo quy định của pháp luật thì nhà đầu tư đó được mua cổ phần mà không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai.

17. Về tỷ lệ chào bán thành công hoặc số tiền tối thiểu thu được từ đợt chào bán: Để đáp ứng nguồn vốn cho hoạt động đầu tư, kinh doanh và tái cơ cấu nợ vay của công ty, tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu dự kiến là 80%, tương đương số tiền thu được tối thiểu là 240 tỷ đồng. Vì vậy trong trường hợp đợt chào bán cổ phần không thành công hoặc không thu đủ số tiền tối thiểu như dự kiến, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Licogi 16 sẽ xem xét sử dụng linh hoạt các nguồn vốn bổ sung khác và có kế hoạch huy động nguồn vốn bổ sung từ nhiều nguồn khác nhau như vốn vay thương mại, vốn tín dụng của ngân hàng, các tổ chức cá nhân khác.

18. Giới hạn tỷ lệ chào bán cho cổ đông nước ngoài:

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Licogi 16 không quy định cụ thể giới hạn tỷ lệ sở hữu cổ phiếu đối với cổ đông là người nước ngoài. Tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài tại công ty sẽ tuân thủ theo quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán. Thông tư 123/2015/TT-BTC ngày 18/8/2015 của Bộ tài chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Căn cứ ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty đã thực hiện đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh, một số ngành nghề kinh doanh của công ty quy định giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tối đa là 49%. Do vậy, tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty là tối đa 49%.

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông 11/3/2019, số cổ phần nhà đầu tư nước ngoài sở hữu tại công ty là 26.645.328 cổ phiếu, tỷ lệ 26,65% vốn điều lệ.

19. Hạn chế chuyển nhượng: Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu là cổ phiếu phổ thông và không bị hạn chế chuyển nhượng.

20. Thời hạn thực hiện dự kiến: trong năm 2019 (hoặc có thể kéo dài hơn tùy vào tình hình triển khai phương án chào bán), việc phân phối cổ phiếu được thực hiện trong thời hạn 90 ngày và thời gian gia hạn chào bán (nếu cần) kể từ ngày được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT lựa chọn thời gian triển khai thực hiện phương án chào bán cổ phiếu sao cho phù hợp với tình hình thị trường chứng khoán và nhu cầu vốn của Công ty.

21. Cam kết giao dịch trên thị trường chứng khoán: Công ty cam kết đưa cổ phiếu chào bán thêm vào giao dịch trên thị trường chứng khoán trong thời hạn theo quy định của pháp luật kể từ khi kết thúc đợt chào bán.

22. Rủi ro pha loãng:

Đối với đợt chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ này của LCG có một số lưu ý với các Nhà đầu tư về rủi ro pha loãng giá cổ phiếu như sau:

- Tổng số cổ phiếu đăng ký chào bán: 30.000.000 cổ phiếu.
- Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Sau khi lượng cổ phiếu chào bán này chính thức được đưa vào giao dịch trên thị trường, cổ đông và nhà đầu tư cần lưu ý về việc pha loãng như sau:

❖ *Pha loãng giá cổ phiếu:*

Cổ phiếu của công ty đang được đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Vì thế, giá giao dịch của cổ phiếu sẽ bị điều chỉnh kỹ thuật theo tỷ lệ phát hành và giá phát hành tại ngày giao dịch không hưởng quyền thực hiện quyền mua cổ phiếu. Cổ đông có thể tham khảo công thức điều chỉnh kỹ thuật giá cổ phiếu như sau:

$$\text{Giá thị trường điều chỉnh} = \frac{\text{PR}(t-1) + (I \times \text{PR})}{(1 + I)}$$

Trong đó:

- PR(t-1) : giá đóng cửa của cổ phiếu ngày trước ngày giao dịch không hưởng quyền thực hiện quyền mua cổ phần phát hành thêm
- I : Tỷ lệ vốn tăng
- PR₋ : Giá phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu

Ví dụ: Giả sử giá đóng cửa của cổ phiếu LCG tại ngày trước ngày giao dịch không hưởng quyền để thực hiện quyền mua cổ phần phát hành thêm là 10.600 đồng/cổ phiếu. Dự kiến Công ty phát hành thêm 30.000.000 cổ phiếu với giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phần, tỷ lệ phát hành 10 : 03, giá cổ phiếu LCG được điều chỉnh tính theo công thức trên như sau:

$$\text{Giá điều chỉnh} = \frac{10.600 + 0,3 \times 10.000}{1 + 0,3} = 10.462 \text{ đồng/ cổ phần}$$

❖ *Rủi ro pha loãng thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS):*

Công thức tính:

$$EPS = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế - Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi}^2}{\text{Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Giả định chỉ có thay đổi về số lượng cổ phiếu lưu hành, sự thay đổi EPS của cổ phiếu như sau:

+ Lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2019 là 200.000.000.000 đồng³.

Trường hợp 1: Công ty không phát hành thêm cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành là 97.999.662 cổ phiếu.

$$EPS = \frac{200.000.000.000}{97.999.662} = 2.041 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

Trường hợp 2: Công ty chào bán thành công cổ phiếu và dự kiến 30.000.000 cổ phiếu phát hành thêm của công ty chính thức lưu hành vào tháng 9 năm 2019, do có sự thay đổi về số lượng cổ phiếu đang lưu hành nên chỉ số EPS của Công ty sẽ có sự thay đổi như sau:

$$EPS = \frac{200.000.000.000}{(97.999.662*8 + 127.999.662*4)/12} = 1.852 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

❖ *Pha loãng giá trị sổ sách:*

Sau khi hoàn thành đợt chào bán, giá trị sổ sách của mỗi cổ phần có thể sẽ bị thay đổi do có sự thay đổi về số lượng cổ phiếu lưu hành và tốc độ tăng trưởng vốn chủ sở hữu. Với việc chào bán thêm cổ phiếu với giá thấp hơn giá trị sổ sách, trong thời gian ngắn ngay sau khi chào bán do tỷ lệ tăng số lượng cổ phiếu lưu hành lớn hơn tỷ lệ tăng của vốn chủ sở hữu nên sẽ làm giảm giá trị sổ sách 01 cổ phiếu của Công ty.

❖ *Về tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết:*

Do việc chào bán được thực hiện theo phương thức thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu nên sẽ không làm giảm tỷ lệ nắm giữ, quyền biểu quyết của các cổ đông nếu các cổ đông thực hiện quyền đầy đủ.

Rủi ro pha loãng tỷ lệ biểu quyết xảy ra trong trường hợp cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết một phần hoặc toàn bộ số lượng cổ phiếu được phân phối theo tỷ lệ dẫn đến tỷ lệ biểu quyết của cổ đông bị pha loãng.

II. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu:

Việc phát hành thêm 300 tỷ đồng cho cổ đông hiện hữu để đáp ứng nhu cầu vốn liên quan đến việc tái cơ cấu nợ vay và đầu tư vốn cho các dự án theo hình thức PPP, cụ thể như sau :

Stt	Nội dung	Nhu cầu sử dụng vốn từ đợt phát hành (tỷ đồng)
1	Tái cơ cấu nợ vay ngắn hạn	130
2	Góp vốn vào Công ty cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị để thực hiện dự án cao tốc Hữu Nghị - Chi Lăng và Tân Thanh – Cốc Nam	170
Tổng cộng		300

² Công ty không có cổ phiếu ưu đãi

³ Theo Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 dự kiến trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2019.

III. Thực hiện đăng ký lưu ký, đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu sau chào bán:

- Sau khi kết thúc đợt chào bán, Công ty sẽ tiến hành các thủ tục để đăng ký lưu ký bổ sung toàn bộ số lượng cổ phiếu mới chào bán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung toàn bộ số cổ phiếu mới chào bán thêm tại sàn HOSE với Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh.

- Thời gian thực hiện: Không quá 30 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

IV. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty về phần vốn điều lệ căn cứ trên kết quả thực tế chào bán và đăng ký lại đăng ký kinh doanh theo mức vốn mới:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị công ty điều chỉnh vốn điều lệ tăng thêm theo đúng số lượng cổ phần thực tế đã phân phối trong đợt chào bán và sửa đổi điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty (điều khoản quy định về vốn điều lệ, cổ phần), thực hiện các thủ tục thay đổi đăng ký doanh nghiệp của công ty liên quan đến việc thay đổi vốn điều lệ theo kết quả của đợt chào bán nêu trên.

V. Thông qua việc ủy quyền và giao cho Hội đồng quản trị công ty thực hiện:

- Lựa chọn thời điểm thực hiện thích hợp và xây dựng phương án chi tiết để triển khai việc chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ dựa trên các phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua sau khi có chấp thuận của UBCKNN;

- Xây dựng phương án sử dụng vốn chi tiết, điều chỉnh và thay đổi phương án sử dụng vốn trong trường hợp cần thiết sao cho phù hợp với tình hình thị trường, tiến độ đầu tư dự án của công ty, nhu cầu vốn kinh doanh của công ty đảm bảo việc sử dụng vốn đạt hiệu quả tối ưu nhất. HĐQT sẽ công bố thông tin và Báo cáo UBCKNN và Đại hội đồng cổ đông gần nhất việc thay đổi mục đích sử dụng vốn theo đúng quy định của pháp luật.

- Ủy quyền cho HĐQT Công ty căn cứ vào tình hình hoạt động thực tế của Công ty để cân đối và giải ngân số tiền thu được từ đợt chào bán một cách hợp lý và hiệu quả, đảm bảo tối đa hóa lợi ích cho Công ty và các cổ đông.

- Bổ sung hoặc sửa đổi phương án để đăng ký chào bán cổ phiếu với UBCKNN hoặc nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan (nếu có).

- Chủ động xây dựng và giải trình hồ sơ xin phép chào bán gửi Ủy ban chứng khoán Nhà nước và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

- Thực hiện các thủ tục đăng ký kinh doanh với Sở Kế hoạch và Đầu tư sau khi hoàn tất đợt chào bán.

- Thực hiện việc điều chỉnh, bổ sung nội dung Điều lệ công ty điều khoản quy định về vốn điều lệ căn cứ trên kết quả thực tế chào bán;

- Thực hiện đăng ký bổ sung và lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh đối với toàn bộ số lượng cổ phần phổ thông được chào bán thành công.

- Thực hiện các thủ tục cần thiết khác bao gồm nhưng không giới hạn việc bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh Phương án chào bán theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước và/hoặc phù hợp với hoàn cảnh thực tế sao cho việc thực hiện Phương án huy động thành công, đảm bảo quyền lợi của Cổ đông và Công ty và tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành.

Trên đây là toàn bộ nội dung phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ cũng như việc thực hiện lưu ký, đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu sau khi chào bán, sửa đổi Điều lệ và thay đổi đăng ký kinh doanh theo vốn điều lệ mới và một số nội dung đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền/giao cho Hội đồng quản trị thực hiện.

Hội đồng quản trị kính đề nghị các Quý cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 
CHỦ TỊCH

Bui Dương Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 16

Số : 06/Ttr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

-----***-----

Tp. HCM, ngày 2 tháng 4 năm 2019

TỜ TRÌNH

V/v: Phát hành trái phiếu doanh nghiệp năm 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH 113 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần LICOGI 16;
- Căn cứ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trên cơ sở chiến lược phát triển của Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 (“ĐHĐCĐ”) biểu quyết thông qua Phương án phát hành trái phiếu để huy động vốn và Các nội dung ủy quyền Hội đồng quản trị triển khai và thực hiện phương án phát hành, cụ thể như sau:

I. Tổ chức phát hành

1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành:
 - Tên tiếng Việt: Công ty Cổ phần LICOGI 16
 - Tên tiếng Anh: LICOGI 16 Joint Stock Company
 - Địa chỉ: 24A Phan Đăng Lưu phường 6 Quận Bình Thạnh Hồ Chí Minh
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302310209 do Sở KH&ĐT HCM cấp lần đầu ngày 02/06/2006 và thay đổi lần thứ 18 ngày 20/03/2018.
 - Vốn điều lệ hiện tại: 1.000.000.000.000 đồng (Một nghìn tỷ đồng)
2. Ngành nghề kinh doanh (chính):
 - Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp;
 - Thi công xây dựng các công trình giao thông;
 - Thi công xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, sân bay, bến cảng, đường dây và các trạm biến thế điện; các công trình cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, nền móng công trình.
 - Gia công, chế tạo cốp pha định hình, dàn giáo, khung nhà công nghiệp.
 - Khai thác đá. Khai thác đá có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.
 - Đầu tư, kinh doanh nhà ở, khu đô thị mới, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp.
 - Phát triển và kinh doanh bất động sản.
3. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh qua các năm:
Chi tiết theo Báo cáo tài chính kiểm toán riêng và hợp nhất năm 2018 đã công bố.

II. Mục đích phát hành và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành

1. Mục đích phát hành:

Thực hiện các chương trình, dự án đầu tư; Bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh; Cơ cấu lại các khoản nợ.

2. Phương án sử dụng vốn:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định chi tiết phương án sử dụng vốn thu được từ việc phát hành trái phiếu phù hợp với nhu cầu vốn và mục đích sử dụng vốn của Công ty trong từng giai đoạn.

III. Phương án phát hành trái phiếu không chuyển đổi hoặc phát hành trái phiếu riêng lẻ chuyển đổi hoặc phát hành trái phiếu riêng lẻ kèm chứng quyền.

Phương án 1: Phương án phát hành trái phiếu không chuyển đổi

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua phương án phát hành trái phiếu chi tiết và triển khai các nội dung công việc để thực hiện phương án phát hành. Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất về phương án phát hành.

Phương án 2: Phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ chuyển đổi

- | | |
|--|--|
| 1. Tổ chức phát hành: | Công ty cổ phần Licogi 16 |
| 2. Tên trái phiếu: | Trái phiếu chuyển đổi Công ty cổ phần Licogi 16 |
| 3. Loại trái phiếu | Trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu, không có tài sản đảm bảo, không kèm chứng quyền |
| 4. Phương thức phát hành: | Phát hành riêng lẻ cho dưới 100 nhà đầu tư không kể các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp |
| 5. Hình thức trái phiếu: | Bút toán ghi sổ |
| 6. Đồng tiền phát hành: | Đồng Việt Nam |
| 7. Chuyển nhượng trái phiếu: | Trái phiếu chuyển đổi bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày hoàn thành việc phát hành |
| 8. Mệnh giá trái phiếu: | 100.000 đồng/ trái phiếu hoặc theo bội số của 100.000 đồng.
Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định mệnh giá trái phiếu. |
| 9. Tổng giá trị trái phiếu phát hành tính theo mệnh giá dự kiến: | Tối đa 500.000.000.000 đồng |
| 10. Số lượng trái phiếu phát hành tính theo mệnh giá: | Tối đa theo giá trị phát hành dự kiến chia mệnh giá trái phiếu phát hành theo quyết định của Hội đồng quản trị.
Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị xác định cụ thể số lượng trái phiếu phát hành căn cứ giá trị trái phiếu phát hành tối đa và mệnh giá trái phiếu sau khi xác định. |
| 11. Giá phát hành: | Bằng mệnh giá trái phiếu |
| 12. Lãi suất trái phiếu: | Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT đàm phán và thỏa thuận mức lãi suất phù hợp với tình hình thị trường tại thời điểm phát hành và khả năng tài chính của Công ty |
| 13. Kỳ hạn trái phiếu: | Tối thiểu 03 (Ba) năm và tối đa 05 (Năm) năm.
Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT căn cứ mục đích và phương án sử dụng vốn để quyết định kỳ hạn trái phiếu |

14. Kỳ trả lãi: Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở đàm phán với các nhà đầu tư.
15. Thời gian phát hành: Dự kiến trong năm 2019, sau khi được Ủy ban Chứng khoán nhà nước chấp thuận hồ sơ phát hành
16. Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư: Nhà đầu tư được lựa chọn để mua trái phiếu phát hành riêng lẻ chuyển đổi phải đảm bảo đáp ứng các tiêu chí sau:
- Các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước có năng lực về tài chính;
 - Có tỷ lệ sở hữu sau khi thực hiện chuyển đổi sang cổ phiếu phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.
17. Phương án xử lý trái phiếu không phân phối hết: Số lượng trái phiếu mà nhà đầu tư từ chối mua sẽ ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty tìm kiếm, đàm phán và phân phối cho các tổ chức/cá nhân khác đáp ứng tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư.
18. Giá chuyển đổi: Giá chuyển đổi không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phần.
- Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT căn cứ theo mức giá phát hành và điều kiện thực tế tại thời điểm tổ chức thực hiện phát hành để quy định cụ thể về giá chuyển đổi trái phiếu. Giá chuyển đổi sẽ được điều chỉnh khi xảy ra các sự kiện điều chỉnh nêu tại mục 21 dưới đây
19. Phương thức thanh toán tiền gốc: Trái phiếu bắt buộc chuyển đổi thành cổ phiếu
20. Quyền chuyển đổi, Thời điểm chuyển đổi và số lượng Trái phiếu được chuyển đổi: Trái phiếu có thể được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông của Công ty sau mỗi 12 tháng từ ngày hoàn thành đợt phát hành. Số lần chuyển đổi không nhiều hơn 3 lần. Những trái phiếu chưa được chuyển đổi trong thời hạn của trái phiếu sẽ được chuyển đổi tự động thành cổ phiếu vào ngày đáo hạn.
- Trong trường hợp Nhà đầu tư khi thực hiện chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu mà dẫn đến việc Nhà đầu tư đó và người có liên quan sở hữu từ 25% cổ phiếu đang lưu hành hoặc dẫn đến các trường hợp khác như quy định tại Điều 32 Luật Chứng khoán và tại khoản 11 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán, thì sẽ không phải thực hiện các thủ tục chào mua công khai. Mọi thủ tục chuyển đổi trái phiếu trong trường hợp này được thực hiện như với các Nhà đầu tư khác.

21. Điều chỉnh Giá chuyển đổi (Điều khoản chống pha loãng):

Giá chuyển đổi sẽ được điều chỉnh xuống mức thấp hơn khi Công ty thực hiện: .

(i) Phát hành thêm cổ phiếu;

(ii) Tách cổ phần, nhập cổ phần hoặc phân loại lại các cổ phần;

(iii) các sự kiện khác (nếu có) được nêu tại các điều khoản và điều kiện của Trái phiếu, các văn kiện giao dịch liên quan đến Trái phiếu.

Các sự kiện pha loãng nêu trên và các sự kiện khác (nếu có) mà có thể dẫn đến việc điều chỉnh giá chuyển đổi sẽ được quy định trong các văn kiện giao dịch liên quan đến Trái phiếu.

Giá chuyển đổi sẽ được điều chỉnh theo công thức sau:

$$\frac{(\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành} \times \text{Giá chuyển đổi trước điều chỉnh}) + (\text{Số lượng cổ phiếu mới phát hành} \times \text{giá cổ phiếu mới})}{(\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành} + \text{Số lượng cổ phiếu mới phát hành thêm})}$$

22. Nguyên tắc làm tròn số cổ phần được chuyển đổi:

Khi tính số cổ phần mà người sở hữu Trái phiếu được chuyển đổi, nếu phát sinh lẻ thập phân thì số cổ phần lẻ thập phân sẽ được làm tròn xuống theo nguyên tắc bỏ đi phần số lẻ thập phân.

23. Thực hiện tăng vốn phục vụ cho việc chuyển đổi (nếu có):

Tại thời điểm chuyển đổi Trái phiếu thành cổ phần, Công ty sẽ thực hiện việc phát hành cổ phần cho số Trái phiếu được chuyển đổi và sẽ tăng vốn điều lệ tương ứng với số cổ phần được phát hành. Đồng thời Công ty cũng sẽ niêm yết bổ sung, đăng ký và lưu ký số cổ phần mới được phát hành tại Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam. Cổ đông hiện hữu của Công ty sẽ không mua cổ phần mới phát hành thêm cho mục đích chuyển đổi Trái phiếu này

24. Kế hoạch bố trí nguồn vốn để thanh toán gốc và lãi:

Nguồn trả gốc và lãi trái phiếu sẽ có thể được lấy từ tiền mặt và các nguồn vốn hợp pháp khác của Công ty

25. Các điều khoản khác của Trái phiếu:

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quy định cụ thể tại phương án chi tiết chào bán trái phiếu

Phương án 3: Phát hành trái phiếu riêng lẻ kèm chứng quyền

1. Tổ chức phát hành:

Công ty cổ phần Licogi 16

2. Tên trái phiếu:

Trái phiếu Công ty cổ phần Licogi 16

3. Loại trái phiếu

Trái phiếu không chuyển đổi, không có tài sản đảm bảo, có kèm chứng quyền

4. Phương thức phát hành:

Phát hành riêng lẻ cho dưới 100 nhà đầu tư không kể các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp

5. Hình thức trái phiếu:	Bút toán ghi sổ
6. Đồng tiền phát hành:	Đồng Việt Nam
7. Chuyển nhượng trái phiếu:	Trái phiếu phát hành bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày hoàn thành việc phát hành 100.000 đồng/ trái phiếu.
8. Mệnh giá trái phiếu:	Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định mệnh giá trái phiếu. Tối đa 500.000.000.000 đồng
9. Tổng giá trị trái phiếu phát hành tính theo mệnh giá dự kiến:	Tối đa theo giá trị phát hành dự kiến chia mệnh giá trái phiếu phát hành theo quyết định của Hội đồng quản trị.
10. Số lượng trái phiếu phát hành tính theo mệnh giá:	Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị xác định cụ thể số lượng trái phiếu phát hành căn cứ giá trị trái phiếu phát hành tối đa và mệnh giá trái phiếu sau khi xác định. Bảng mệnh giá trái phiếu
11. Giá phát hành:	Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT đàm phán và thỏa thuận mức lãi suất phù hợp với tình hình thị trường tại thời điểm phát hành và khả năng tài chính của Công ty
12. Lãi suất trái phiếu:	Tối thiểu 03 (Ba) năm và tối đa 05 (Năm) năm. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT căn cứ mục đích và phương án sử dụng vốn để quyết định kỳ hạn trái phiếu
13. Kỳ hạn trái phiếu:	Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở đàm phán với các nhà đầu tư.
14. Kỳ trả lãi:	Dự kiến trong năm 2019, sau khi được Ủy ban Chứng khoán nhà nước chấp thuận hồ sơ phát hành
15. Thời gian phát hành:	Nhà đầu tư được lựa chọn để mua trái phiếu phát hành riêng lẻ kèm chứng quyền phải đảm bảo đáp ứng các tiêu chí sau:
16. Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư:	– Các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước có năng lực về tài chính; – Có tỷ lệ sở hữu sau khi mua và thực hiện chứng quyền phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.
17. Phương án xử lý trái phiếu không phân phối hết:	Số lượng trái phiếu mà nhà đầu tư từ chối mua sẽ ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty tìm kiếm, đàm phán và phân phối cho các tổ chức/cá nhân khác đáp ứng tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư.
19. Phương thức thanh toán gốc, lãi trái phiếu:	Tiền gốc và lãi trái phiếu sẽ được thanh toán bằng phương thức chuyển khoản vào tài khoản đăng ký

20. Kế hoạch bố trí nguồn vốn để thanh toán gốc và lãi:

21. Các điều khoản khác của Trái phiếu:

Các điều kiện, điều khoản cơ bản của Chứng quyền:

1. Số lượng Chứng quyền phát hành:

2. Hình thức và quyền sở hữu chứng quyền:

3. Điều kiện chuyển nhượng chứng quyền:

4. Số lượng cổ phần được mua theo mỗi chứng quyền:

5. Số lượng cổ phần phát hành theo chứng quyền:

6. Loại cổ phần phát hành theo chứng quyền:

7. Giá mua cổ phần khi thực hiện chứng quyền:

8. Thời điểm thực hiện chứng quyền:

của Trái chủ.

Nguồn trả gốc và lãi trái phiếu sẽ có thể được lấy từ tiền mặt và các nguồn vốn hợp pháp khác của Công ty

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quy định cụ thể tại phương án chi tiết chào bán trái phiếu

Tối đa 50.000.000 chứng quyền phát hành kèm theo Trái phiếu (với mỗi Trái phiếu phát hành ban đầu, nhà đầu tư sẽ nhận được 10 Chứng quyền).

Giấy chứng nhận sở hữu Chứng quyền sẽ được cấp cho người sở hữu chứng quyền để ghi nhận quyền sở hữu Chứng quyền đã được đăng ký của người sở hữu chứng quyền đó. Giấy chứng nhận sở hữu chứng quyền phải có các thông tin sau:

- Họ tên, ngày cấp, nơi cấp CMND/Hộ chiếu (nếu là cá nhân) và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nếu là tổ chức) và đại chỉ của người sở hữu chứng quyền.

- Tổng số chứng quyền nắm giữ

Quyền sở hữu chứng quyền chỉ được chuyển nhượng sau khi thông tin của nhà đầu tư được ghi trong sổ đăng ký người sở hữu chứng quyền Trái phiếu và chứng quyền được tách riêng kể từ ngày phát hành và bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành trái phiếu

01 chứng quyền được mua 01 cổ phần phổ thông của Tổ chức phát hành.

50.000.000 Cổ phần, tương đương với 1 cổ phiếu/1 chứng quyền

Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng, cổ phần mới của tổ chức phát hành

Không thấp hơn 10.000 Đồng/cổ phần.

ĐHDCĐ ủy quyền cho HĐQT Công ty quyết định giá mua cổ phần khi thực hiện chứng quyền phù hợp tại thời điểm triển khai phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ kèm chứng quyền.

Giá mua cổ phần khi thực hiện chứng quyền được điều chỉnh theo điều khoản chống pha loãng dưới đây.

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định

9. Trình tự, thủ tục thực hiện quyền mua cổ phần: Theo quy định pháp luật hiện hành. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT căn cứ tình hình thực tế để triển khai theo quy định
10. Phát hành thêm cổ phiếu tại thời điểm thực hiện chứng quyền: Tại mỗi thời điểm trái chủ thực hiện chứng quyền, LCG sẽ phát hành thêm cổ phần cho số chứng quyền được thực hiện và sẽ tăng vốn điều lệ tương ứng với số cổ phần được phát hành cho mục đích thực hiện chứng quyền đó. Và sẽ thực hiện đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung theo quy định
11. Thời hạn thực hiện chứng quyền: Theo thời hạn phát hành của Trái phiếu. Nếu sau thời hạn của chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền không đăng ký thực hiện chứng quyền vào các thời điểm quy định thì chứng quyền đó đương nhiên hết hiệu lực. Tổ chức phát hành không phải bồi thường hoặc thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào đối với người sở hữu chứng quyền đã hết hiệu lực.
12. Hiệu lực độc lập: Việc mua lại trái phiếu (nếu có) của LCG sẽ không làm mất hiệu lực của chứng quyền
13. Điều khoản chống pha loãng giá: Trong khoảng thời gian từ thời điểm phát hành chứng quyền cho đến khi thực hiện chứng quyền, để đảm bảo quyền lợi của người sở hữu chứng quyền, giá mua cổ phần khi thực hiện chứng quyền sẽ được điều chỉnh tương ứng với tỷ lệ điều chỉnh giá tham chiếu của cổ phiếu LCG trên sở giao dịch chứng khoán trong các trường hợp điều chỉnh giá theo quy định pháp luật hiện hành.
14. Các điều khoản khác: ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT xem xét và quyết định phù hợp với quy định pháp luật và đảm bảo đầy đủ các nội dung theo quy định pháp luật hiện hành.

IV. Ủy quyền Hội đồng quản trị

Đại hội đồng cổ đông thống nhất ủy quyền cho HĐQT thực hiện các công việc sau:

- Lập, sửa đổi bổ sung phương án phát hành chi tiết bao gồm các điều khoản và điều kiện chi tiết của các phương án phát hành bao gồm: (i) Số lượng phát hành, kỳ hạn, lãi suất của Trái phiếu; (ii) Thời hạn, giá và thời điểm thực hiện, trình tự thủ tục thực hiện quyền mua cổ phần (Đối với chứng quyền); thời hạn, giá và thời điểm thực hiện, trình tự thủ tục thực hiện chuyển đổi (đối với trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu), và các điều khoản, điều kiện chi tiết khác theo quy định của pháp luật.
- Lựa chọn nhà đầu tư phù hợp với tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư đã được Hội đồng quản trị phê chuẩn; thương lượng và ký hợp đồng với nhà đầu tư;
- Lựa chọn đơn vị tư vấn phát hành, đại lý phát hành trái phiếu;

- Sửa đổi, bổ sung mục đích phát hành và phương án sử dụng vốn từ đợt phát hành sao cho việc huy động vốn của Công ty được đảm bảo thành công và đúng quy định của pháp luật. Các nội dung sửa đổi, bổ sung phải đảm bảo có lợi nhất cho cổ đông và công ty.
 - Thực hiện chi tiết việc phát hành theo phương án đã được phê duyệt, bao gồm cả việc bổ sung, chỉnh sửa, hoàn chỉnh hoặc thay đổi phương án này theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước sao cho việc huy động vốn của Công ty được thực hiện một cách hợp pháp và đúng quy định.
 - Lập, thông qua và thực hiện phương án phát hành cổ phiếu thêm khi thực hiện chứng quyền hoặc chuyển đổi trái phiếu, đảm bảo tuân thủ tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật.
 - Quyết định các nội dung chi tiết của điều khoản và điều kiện trái phiếu, điều khoản và điều kiện chứng quyền kèm theo trái phiếu và các nội dung chi tiết khác của phương án phát hành đảm bảo không mâu thuẫn với phương án phát hành đã được ĐHĐCĐ thông qua.
 - Xử lý số trái phiếu không phân phối hết.
 - Thực hiện thay đổi vốn điều lệ, thay đổi đăng ký doanh nghiệp tương ứng với số cổ phần tăng thêm, đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung cổ phần tăng thêm sau các đợt công ty hoàn tất việc phát hành cổ phiếu theo phương án triển khai.
 - Thực hiện lưu ký bổ sung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh.
- Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Bùi Dương Hùng

L.C.P. HANIM

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 2. tháng 4. năm 2019

TỜ TRÌNH

“Về việc ĐHĐCD ủy quyền cho HĐQT một số nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHĐCD”

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2014;
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp của Công ty.

Nhằm giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh trong hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần LICOGI 16 ủy quyền cho HĐQT Công ty quyết định một số nội dung chính như sau:

1. Đăng ký bổ sung/thay đổi các ngành nghề kinh doanh, các nội dung khác của Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp của Công ty phù hợp với chiến lược kinh doanh của Công ty.
2. Quyết định việc tổ chức thay đổi cơ cấu tổ chức bộ máy quản trị và điều hành của Công ty.
3. Quyết định ủy quyền cho HĐQT tiến hành sửa đổi và ban hành Quy chế quản trị nội bộ Công ty cổ phần LICOGI 16 phù hợp với qui định pháp luật hiện hành.
4. Giao cho HĐQT quyết định các giao dịch giữa Công ty với công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt./.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

-Như trên;

-Lưu: TK

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Bùi Dương Hùng

Tp. Hồ Chí Minh, Ngày 2 tháng 4 năm 2019

TỜ TRÌNH

“Về việc Chính sách khuyến khích Ban điều hành từ 2019-2022”

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội khóa 13 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần LICOGI 16;

Chính sách khuyến khích Ban điều hành từ 2019-2022 gồm 3 cấu phần:

1. Thưởng chia sẻ lợi nhuận năm

Ban điều hành sẽ được thưởng 5% Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ (“LNST”) nếu đạt được tất cả các điều kiện sau đây:

- Doanh thu đạt kế hoạch được ĐHĐCĐ thông qua;
- LNST đạt ít nhất 200 tỷ;
- Tỷ lệ LNST/Doanh thu lớn hơn năm trước 0,5%.

2. Thưởng vượt chỉ tiêu lợi nhuận kế hoạch

Ban điều hành sẽ được thưởng 12,0% phần vượt kế hoạch LNST nếu đạt được tất cả các điều kiện sau đây:

- Doanh thu đạt kế hoạch được ĐHĐCĐ thông qua;
- Tỷ lệ LNST/Doanh thu lớn hơn năm trước 0,5%.

Quyền nhận thưởng bằng cổ phiếu cho (1) và (2),:

- Trường hợp giá thị trường cổ phiếu cuối năm (31/12) bằng hoặc trên 200% giá tại thời điểm đại hội, tính trung bình 30 phiên giao dịch, Ban điều hành sẽ có quyền chọn nhận thưởng bằng cổ phiếu. Giá phát hành sẽ trong khoảng 40%-50% giá thị trường của cổ phiếu trung bình 30 phiên giao dịch liền trước thời điểm phát hành. Tỷ lệ cổ phiếu phát hành sẽ tương ứng với giá trị thưởng, giá thị trường cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu nhưng trong mọi trường hợp không vượt quá 5,0% cổ phiếu lưu hành.



3. Quyền tham dự các lần tăng vốn tiếp theo của Công ty (ESOP)

Kể từ 2019, trong mỗi đợt tăng vốn tiếp theo của Công ty, Đại hội cổ đông đồng ý và chấp thuận 4,0% cổ phiếu lưu hành sẽ được đề xuất cho cán bộ nhân viên của Công ty:

- Thành viên Ban điều hành sẽ không có nghĩa vụ hoàn trả cổ phần theo chương trình ESOP, kể cả khi hợp đồng lao động của họ được chấm dứt;
- Giá phát hành sẽ trong khoảng 40%-50% giá thị trường của cổ phiếu trung bình 30 phiên giao dịch liền trước thời điểm phát hành;
- Hạn chế chuyển nhượng trong 01 năm.

Ban điều hành gồm Người đại diện pháp luật, Thành viên Hội đồng quản trị điều hành, Ban Giám đốc, các cán bộ chủ chốt và các nhân sự khác theo đề nghị của Ban Giám đốc và phê duyệt của HĐQT.

Ủy quyền cho HĐQT xác định tỷ lệ cụ thể cho từng đối tượng khi nhận thưởng bằng cổ phiếu hoặc phát hành ESOP.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét phê duyệt

Trân trọng cảm ơn.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Bùi Dương Hùng



Công ty Cổ phần Licogi 16

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018



Công ty Cổ phần Licogi 16

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 53

Công ty Cổ phần Licogi 16

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Licogi 16 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103004836 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 4 năm 2005, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch là LCG theo Quyết định số 112/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 17 tháng 10 năm 2008.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ xây dựng; mua bán vật liệu xây dựng; phát triển và kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính tại Số 24A, Đường Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Dương Hùng	Chủ tịch
Ông Budiman Satrio Sudono	Thành viên
Bà Đinh Thị Hiền	Thành viên
Ông Phan Ngọc Hiếu	Thành viên
Ông Lê Vũ Nam	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Tăng Quốc Thuộc	Tổng Giám đốc	
Ông Phí Ngọc Anh	Giám đốc Thi công	
Ông Nguyễn Tâm Hòa	Giám đốc Kinh tế Kế hoạch	bổ nhiệm ngày 8 tháng 1 năm 2018
Bà Lê Thị Phương Nam	Giám đốc Hành chính - Quản trị	bổ nhiệm ngày 19 tháng 11 năm 2018
Bà Đinh Thị Hiền	Giám đốc Tài chính	từ nhiệm ngày 18 tháng 1 năm 2019
Ông Hoàng Minh Khai	Giám đốc Bất động sản	từ nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2018
Ông Nguyễn Tiến Đạt	Giám đốc Xây dựng	từ nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2018

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Bùi Dương Hùng.

Ông Tăng Quốc Thuộc được ông Bùi Dương Hùng ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 theo Giấy Ủy quyền Số 01/UQ-LICOGI16-PL ngày 2 tháng 1 năm 2019.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Licogi 16

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Licogi 16 ("Công ty") trình bày báo cáo này liên quan đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng giám đốc:



Tăng Quốc Thuộc
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2019

Số tham chiếu: 60992762/20263833/HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Licogi 16

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Licogi 16 ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 28 tháng 3 năm 2019 và được trình bày từ trang 5 đến trang 53, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Quang Minh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 0426-2018-004-1

Đặng Minh Tài
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2815-2019-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.915.957.933.210	2.619.487.515.294
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	212.905.766.099	564.028.365.579
111	1. Tiền		136.081.424.442	261.028.365.579
112	2. Các khoản tương đương tiền		76.824.341.657	303.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		96.000.000.000	27.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	96.000.000.000	27.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.694.796.592.124	1.445.068.458.492
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	1.079.103.652.620	599.494.172.631
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	260.175.370.072	397.127.240.074
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	9	9.236.418.391	9.136.418.391
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	10	371.870.532.306	466.691.705.611
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(25.589.381.265)	(27.381.078.215)
140	IV. Hàng tồn kho	11	833.235.225.519	538.976.144.217
141	1. Hàng tồn kho		833.235.225.519	538.976.144.217
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		79.020.349.468	44.414.547.006
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	14.317.736.662	11.677.587.239
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		64.435.462.191	32.736.959.767
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		267.150.615	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.313.649.307.223	944.816.861.299
220	I. Tài sản cố định		369.577.585.057	233.471.463.153
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	351.639.476.852	223.748.122.373
222	Nguyên giá		462.841.111.138	290.453.180.235
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(111.201.634.286)	(66.705.057.862)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	14	15.472.193.924	6.049.293.999
225	Nguyên giá		19.153.008.553	6.241.674.374
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(3.680.814.629)	(192.380.375)
227	3. Tài sản cố định vô hình	15	2.465.914.281	3.674.046.781
228	Nguyên giá		9.665.060.000	9.665.060.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(7.199.145.719)	(5.991.013.219)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		127.109.357.036	95.153.992.125
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	16	127.109.357.036	95.153.992.125
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	17	797.132.243.552	600.267.947.852
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		285.075.694.052	88.911.398.352
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		487.397.030.000	486.697.030.000
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		24.659.519.500	24.659.519.500
260	IV. Tài sản dài hạn khác		19.830.121.578	15.923.458.169
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	1.883.086.810	748.088.610
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31.3	6.082.191.659	2.514.058.398
269	3. Lợi thế thương mại	18	11.864.843.109	12.661.311.161
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		4.229.607.240.433	3.564.304.376.593

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.757.100.148.424	2.436.492.147.195
310	I. Nợ ngắn hạn		2.515.506.607.833	2.318.668.510.975
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	19	841.201.997.978	582.984.212.638
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	20	614.885.214.822	1.009.336.129.871
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21	48.356.661.358	17.346.231.528
314	4. Phải trả người lao động	22	13.557.462.382	5.856.359.147
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	23	173.127.505.732	132.430.496.092
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	23	90.404.043.219	246.670.395.986
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	24	708.618.144.918	316.977.928.841
321	8. Dự phòng ngắn hạn	25	21.174.781.145	-
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.180.796.279	7.066.756.872
330	II. Nợ dài hạn		241.593.540.591	117.823.636.220
331	1. Phải trả người bán dài hạn	32	80.207.294.642	-
337	2. Phải trả dài hạn khác	24	15.601.283.351	65.443.351
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	24	144.291.711.098	115.576.091.869
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn		1.493.251.500	2.182.101.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.472.507.092.009	1.127.812.229.398
410	I. Vốn chủ sở hữu		1.472.507.092.009	1.127.812.229.398
411	1. Vốn cổ phần	26.1	1.000.000.000.000	780.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.000.000.000.000	780.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	26.1	93.686.603.494	93.686.603.494
415	3. Cổ phiếu quỹ	26.1	(18.771.380.000)	(3.380.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển	26.1	119.204.302.363	119.204.302.363
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	26.1	178.057.178.465	88.163.615.253
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		13.480.178.750	10.102.396.881
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		164.576.999.715	78.061.218.372
429	6. Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát		100.330.387.687	46.761.088.288
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		4.229.607.240.433	3.564.304.376.593

Đỗ Văn Hường
Người lập

Nguyễn Văn Việt
Kế toán trưởng

Tăng Quốc Thuộc
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.1	2.526.375.101.138	1.514.865.938.042
2	2. Giảm trừ doanh thu	27.1	(24.721.369.000)	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.1	2.501.653.732.138	1.514.865.938.042
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	28	(2.175.636.710.947)	(1.349.290.502.494)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		326.017.021.191	165.575.435.548
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27.2	37.849.747.200	37.452.868.820
22	7. Chi phí tài chính	29	(60.708.843.483)	(35.512.635.877)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(54.262.655.498)	(35.201.301.289)
24	8. Phần lãi từ công ty liên kết		2.182.337.693	9.493.563.587
25	9. Chi phí bán hàng	30	(27.853.806.906)	(31.744.906.508)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	(65.138.591.340)	(45.942.692.170)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		212.347.864.355	99.321.633.400
31	12. Thu nhập khác		5.151.437.380	6.542.589.415
32	13. Chi phí khác		(3.922.647.959)	(5.943.727.401)
40	14. Lợi nhuận khác		1.228.789.421	598.862.014
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		213.576.653.776	99.920.495.414
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.1	(34.344.266.020)	(23.724.752.828)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	31.3	3.568.133.261	9.100.436.716
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		182.800.521.017	85.296.179.302
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		164.576.999.715	78.061.218.372
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		18.223.521.302	7.234.960.930
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26.4	1.599	968
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	26.4	1.599	968

Đỗ Văn Hương
Người lập

Nguyễn Văn Việt
Kế toán trưởng



Tăng Quốc Thuộc
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lợi nhuận trước thuế		213.576.653.776	99.920.495.414
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	13, 14, 15, 18	50.935.914.161	31.627.165.046
03	(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng		18.694.234.695	1.179.202.882
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		254.467.353	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(40.086.366.711)	(44.325.466.557)
06	Chi phí lãi vay	29	54.262.655.498	35.201.301.289
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		297.637.558.772	123.602.698.074
09	Tăng các khoản phải thu		(342.969.286.374)	(314.506.091.752)
10	Tăng giảm hàng tồn kho		(291.794.386.948)	(48.211.820.284)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(97.314.079.964)	711.258.639.128
12	Giảm chi phí trả trước		(3.775.147.623)	8.881.264.607
14	Tiền lãi vay đã trả		(52.552.343.858)	(34.397.547.578)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(17.691.352.370)	(25.470.488.195)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(7.569.633.696)	(12.607.156.972)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(516.028.672.061)	408.549.497.028
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(83.197.233.252)	(145.450.592.613)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		68.181.818	7.740.803.435
23	Tiền chi cho vay		(69.100.000.000)	(53.659.519.500)
25	Tiền chi cho đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(264.277.217.923)	(462.117.030.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		150.807.450.000	295.040.732.366
27	Tiền thu lãi cho vay và cổ tức được chia		13.428.154.211	5.950.577.060
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(252.270.665.146)	(352.495.029.252)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
31	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		79.500.000.000	172.436.440.000
	Tiền nhận vốn góp của cổ đông không kiểm soát		19.000.000.000	-
32	Tiền mua lại cổ phiếu quỹ		(18.768.000.000)	-
33	Tiền thu từ đi vay	24	1.548.608.051.065	955.909.596.749
34	Tiền trả nợ gốc vay	24	(1.136.574.952.756)	(792.120.343.613)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	24	(4.588.597.182)	(1.621.666.205)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(69.999.763.400)	(53.362.173.410)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		417.176.737.727	281.241.853.521
50	(Giảm) tăng tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(351.122.599.480)	337.296.321.297
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		564.028.365.579	226.732.044.282
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	212.905.766.099	564.028.365.579

Đỗ Văn Hưởng
Người lập

Nguyễn Văn Việt
Kế toán trưởng



Tăng Quốc Thuộc
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Licogi 16 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103004836 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 4 năm 2005, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch là LCG theo Quyết định số 112/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 17 tháng 10 năm 2008.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là cung cấp dịch vụ xây dựng; mua bán vật liệu xây dựng; phát triển và kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính tại Số 24A, Đường Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 443 (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 337).

Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức của Công ty như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ biểu quyết	
			Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (%)	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (%)
(1) Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Licogi 16 ("LCI")	Cung cấp dịch vụ xây dựng	Đang hoạt động	95	95
(2) Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ Điền Phước	Đầu tư và phát triển khu dân cư	Đang hoạt động	95	95
(3) Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12 ("CT12")	Đầu tư và phát triển khu dân cư	Đang hoạt động	80	80
(4) Công ty Cổ phần Đầu tư Tiện ích Licogi 16 ("LCU")	Cung cấp dịch vụ tiện ích	Đang hoạt động	75	75
(5) Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn Cần Thơ ("SGCT")	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	Đang hoạt động	61	-
(6) Công ty Cổ phần Licons Việt Nam ("Licons")	Cung cấp dịch vụ xây dựng	Đang hoạt động	80	-
(7) Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng tái tạo Licogi 16 ("LCE")	Cung cấp dịch vụ xây dựng	Đang hoạt động	88	-
(8) Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng tái tạo Licogi 16 Gia Lai ("LGL")	Cung cấp dịch vụ xây dựng	Đang hoạt động	88	-
(9) Công ty Cổ phần Bất động sản Licogi 16 ("LCLand")	Bất động sản	Đang hoạt động	95	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);

- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Bất động sản tồn kho

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Nhóm Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành bao gồm:

- Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và được chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

Hàng tồn kho khác

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|--------------------------------------|---|--|
| Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ theo phương pháp bình quân gia quyền |

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản thuê tài chính và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc và thiết bị	4 – 8 năm
Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 7 năm
Phần mềm máy tính	8 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần hoặc ghi nhận phù hợp với doanh thu vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- ▶ Phí bảo lãnh công trình;
- ▶ Công cụ, dụng cụ; và
- ▶ Chi phí hoa hồng môi giới.

3.10 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Các giao dịch hợp nhất kinh doanh được hạch toán kế toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng đã thừa nhận trong giao dịch hợp nhất kinh doanh sẽ được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được xác định ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định bằng nguyên giá trừ giá trị phân bổ lũy kế. Việc phân bổ lợi thế thương mại được thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong mười (10) năm, là thời gian thu hồi lợi ích kinh tế có thể mang lại cho Tập đoàn. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

3.11 *Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu từ 20% trở lên quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 *Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Khi có sự thay đổi được ghi nhận trực tiếp vào phần vốn chủ sở hữu của Công ty liên kết, thì Nhóm Công ty sẽ ghi nhận phần sở hữu của mình trong phần thay đổi trên (nếu có) và trình bày ở khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.13 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 *Trợ cấp thôi việc phải trả*

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Nhóm Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.16 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.17 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại Hội đồng Cổ đông thường niên:

► Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

► Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.19 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trên hóa đơn.

Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu chuyển nhượng quyền sử dụng đất

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành xây dựng cơ sở hạ tầng và chuyển giao đất cho người mua.

Doanh thu bán căn hộ

Đối với các căn hộ mà Nhóm Công ty bán sau khi đã xây dựng hoàn tất, doanh thu và giá vốn được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến căn hộ đã được chuyển giao sang người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.22 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Nhóm Công ty có hai bộ phận hoạt động kinh doanh chủ yếu là hoạt động bất động sản và cung cấp dịch vụ xây dựng. Nhóm Công ty chỉ hoạt động trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

4. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

4.1 Mua Công ty Cổ phần Licons Việt Nam ("Licon")

Vào ngày 3 tháng 8 năm 2018, Tập đoàn đã mua 1.600.000 cổ phiếu của Licons với giá phí hợp nhất kinh doanh là 16.000.000.000 VND, tương đương 80% tỷ lệ sở hữu. Theo đó, Licons đã trở thành công ty con của Nhóm Công ty.

Giá trị hợp lý tạm thời của các tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Licons vào ngày hợp nhất kinh doanh được trình bày như sau:

	VND
<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Giá trị hợp lý ghi nhận tại ngày mua</i>
Tài sản	
Tiền	1.521.620.523
Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.818.924.456
Phải thu ngắn hạn khác	19.766.990.497
Hàng tồn kho	2.464.694.354
Tài sản khác	436.417.746
	26.008.647.576
Nợ phải trả	
Phải trả người bán ngắn hạn	636.605.616
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	5.113.228.693
Phải trả khác	1.029.922.783
	6.779.757.092
Tổng tài sản thuần	19.228.890.484
Tổng tài sản thuần bị hợp nhất, 80%	15.383.112.387
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất (Thuyết minh số 18)	616.887.613
Tổng chi phí hợp nhất	16.000.000.000
Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua công ty con	
Tiền thu về từ công ty con	1.521.620.523
Tiền chi để mua công ty con	(16.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào nghiệp vụ mua	(14.478.379.477)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

4. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI (tiếp theo)

4.2 Mua Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn Cần Thơ ("SGCT")

Vào ngày 19 tháng 10 năm 2018, Tập đoàn đã mua 3.050.000 cổ phiếu của SGCT với giá phí hợp nhất kinh doanh là 30.500.000.000 VND, tương đương 61% tỷ lệ sở hữu. Theo đó, SGCT đã trở thành công ty con của Tập đoàn.

Giá trị hợp lý tạm thời của các tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của SGCT vào ngày hợp nhất kinh doanh được trình bày như sau:

	VND
<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Giá trị hợp lý ghi nhận tại ngày mua</i>
Tài sản	
Tiền	12.619.561
Thuế GTGT được khấu trừ	5.194.689.898
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	57.065.690.880
Phải thu ngắn hạn khác	4.786.037.761
	67.059.038.100
Nợ phải trả	
Phải trả người bán ngắn hạn	22.616.246.103
Vay ngắn hạn	1.250.000.000
Phải trả khác	192.791.997
	24.059.038.100
Tổng tài sản thuần	43.000.000.000
Tổng tài sản thuần bị hợp nhất, 70,93%	30.500.000.000
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất (<i>Thuyết minh số 18</i>)	-
Tổng chi phí hợp nhất	30.500.000.000
Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua công ty con	
Tiền thu về từ công ty con	12.619.561
Tiền chi để mua công ty con	(30.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào nghiệp vụ mua	(30.487.380.439)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.204.508.898	185.759.298
Tiền gửi ngân hàng	133.508.915.544	120.263.840.484
Các khoản tương đương tiền (*)	76.824.341.657	303.000.000.000
Tiền gửi tại tài khoản phong tỏa (**)	1.368.000.000	140.578.765.797
TỔNG CỘNG	212.905.766.099	564.028.365.579

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất tiền gửi là 4,7% ~ 5,5%/năm. Các khoản tiền gửi trị giá 30.824.341.657 VND được dùng làm tài sản đảm bảo cho các hợp đồng bảo lãnh và phát hành L/C.

(**) Đây là khoản tiền gửi tại tài khoản phong tỏa được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 24.1).

6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Khoản này thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc từ ba (3) đến mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất từ 5,1% ~ 6,5%/năm. Các khoản tiền gửi trị giá 70.000.000.000 VND được dùng làm tài sản đảm bảo cho việc phát hành L/C.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng	582.493.046.966	391.365.008.903
- Cá nhân mua dự án đất nền	125.976.065.486	95.171.627.050
- Công ty Cổ phần Đầu tư nước sạch Sông Đà	97.080.283.918	-
- Ban Quản lý dự án các công trình điện Miền Trung	66.152.303.292	2.863.709.539
- Công ty Cổ phần BOT Biên Cương	58.491.774.475	18.405.336.729
- Công ty Cổ phần Licogi 13	50.394.976.294	48.239.591.366
- Tổng Công ty Licogi - Công ty Cổ phần	30.979.129.526	31.310.063.872
- Các khách hàng khác	153.418.513.975	195.374.680.347
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 32)	496.610.605.654	208.129.163.728
TỔNG CỘNG	1.079.103.652.620	599.494.172.631
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(25.589.381.265)	(27.381.078.215)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.053.514.271.355	572.113.094.416

Một phần khoản phải thu của khách hàng đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 24.1).

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	27.381.078.215	26.102.149.083
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	4.608.303.050	2.991.235.113
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(6.400.000.000)	(1.712.305.981)
Số cuối năm	25.589.381.265	27.381.078.215

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán	198.749.840.766	377.492.104.038
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất nhập khẩu Kỹ thuật Việt	20.474.042.445	11.654.036.529
- Tổng Công ty Licogi - Công ty Cổ phần	16.147.880.000	16.147.880.000
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	3.985.169.600	27.682.440.252
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Quốc tế	-	66.900.000.000
- Các nhà cung cấp khác	158.142.748.721	255.107.747.257
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 32)	61.425.529.306	19.635.136.036
TỔNG CỘNG	260.175.370.072	397.127.240.074

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan (Thuyết minh số 32)	6.000.000.000	6.000.000.000
Bên khác	3.236.418.391	3.136.418.391
TỔNG CỘNG	9.236.418.391	9.136.418.391

Chi tiết các khoản cho vay ngắn hạn như sau:

Bên vay	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Cho vay bên liên quan				
Ông Trần Duy Doanh – Thành viên góp vốn CT12				
Khoản cho vay 1	3.000.000.000	12 tháng	Không	Tín chấp
Khoản cho vay 2	1.000.000.000	12 tháng	Không	Tín chấp
Khoản cho vay 3	1.000.000.000	12 tháng	Không	Tín chấp
Khoản cho vay 4	1.000.000.000	12 tháng	Không	Tín chấp
	6.000.000.000			
Cho vay bên khác				
Công ty Cổ phần Licogi 16.1	3.136.418.391	12 tháng	9	Tín chấp
Ông Hoàng Hùng Lam	100.000.000	Ngày 23 tháng 10 năm 2019	Không	Tín chấp
TỔNG CỘNG	3.236.418.391			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

10. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng (*)	152.993.964.881	210.013.070.831
Ký quỹ thực hiện hợp đồng	130.068.000.000	83.068.000.000
Chi hộ	26.735.898.058	21.277.426.264
Tạm ứng về góp vốn	25.000.000.000	-
Phải thu về chuyển nhượng vốn	19.548.550.000	106.600.000.000
Phải thu lãi cho vay	6.895.244.089	5.274.051.100
Ký quỹ mở L/C, bảo lãnh thanh toán	5.468.219.352	16.673.783.299
Vốn góp Hợp đồng Hợp tác Đầu tư ("HĐHTĐT")	-	19.620.000.000
Khác	5.160.655.926	4.165.374.117
TỔNG CỘNG	371.870.532.306	466.691.705.611
Trong đó:		
Bên khác	344.840.660.566	433.339.119.353
Bên liên quan (Thuyết minh số 32)	27.029.871.740	33.352.586.258

(*) Đây là khoản tạm ứng để tham gia thực hiện các dự án bất động sản và các dự án xây dựng.

11. HÀNG TỒN KHO

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các công trình xây dựng dở dang (*)	409,741,544,300	106.307.276.160
Bất động sản dở dang (**)	304,447,876,850	402.368.541.267
Nguyên vật liệu	117.018.235.032	28.429.651.733
Hàng hóa bất động sản	1.082.515.506	1.082.515.506
Công cụ, dụng cụ	945.053.831	788.159.551
TỔNG CỘNG	833,235,225,519	538.976.144.217

(*) Chi tiết các công trình xây dựng dở dang được trình bày như sau:

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn	144.257.347.778	-
Nhà máy nước Sông Đà	64.054.267.481	-
Cao tốc Hạ Long - Vân Đồn	43.623.430.905	71.014.274.592
Bệnh viện II Lâm Đồng	34.078.680.895	-
Chung cư Hiệp Thành	14.859.964.934	64.314.940
Nhà máy nước Sài Gòn - Mekong	11.973.942.142	-
Khác	96.893.910.165	35.228.686.628
TỔNG CỘNG	409.741.544.300	106.307.276.160

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

11. HÀNG TỒN KHO (tiếp theo)

(**) Chi tiết bất động sản dở dang được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Khu dân cư Nhơn Trạch 27ha	112.670.407.608	88.197.851.740
Khu dân cư Điện Phước	88.151.390.621	72.777.043.967
Khu dân cư Bảo Lộc 17ha	43.734.309.807	42.154.630.496
Khu dân cư Nhơn Trạch 50ha	35.136.543.950	35.136.543.950
Khu dân cư Hiệp Thành	24.755.224.864	164.102.471.114
TỔNG CỘNG	304.447.876.850	402.368.541.267

Giá trị các bất động sản dở dang này đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 24.1).

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	14.317.736.662	11.677.587.239
Phí môi giới	13.566.395.015	10.146.853.848
Chi phí bảo hiểm	338.626.214	924.818.680
Khác	412.715.433	605.914.711
Dài hạn	1.883.086.810	748.088.610
Phí bảo lãnh	1.140.080.524	-
Công cụ dụng cụ	743.006.286	748.088.610
TỔNG CỘNG	16.200.823.472	12.425.675.849

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
				VND
Nguyên giá:				
Số đầu năm	187.418.479.576	101.070.853.322	1.963.847.337	290.453.180.235
Mua trong năm	127.179.490.311	22.866.153.637	277.727.273	150.323.371.221
Tặng do mua công ty con	-	-	73.766.500	73.766.500
Chuyển từ đầu tư xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành	22.393.975.000	-	-	22.393.975.000
Thanh lý	(386.818.182)	-	(16.363.636)	(403.181.818)
Số cuối năm	336.605.126.705	123.937.006.959	2.298.977.474	462.841.111.138
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	10.802.059.429	5.716.314.080	471.829.454	16.990.202.963
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Số đầu năm	(38.274.903.050)	(26.860.355.877)	(1.569.798.935)	(66.705.057.862)
Khấu hao trong năm	(29.991.037.883)	(14.640.854.897)	(194.098.962)	(44.825.991.742)
Tặng do mua công ty con	-	-	(73.766.500)	(73.766.500)
Thanh lý	386.818.182	-	16.363.636	403.181.818
Số cuối năm	(67.879.122.751)	(41.501.210.774)	(1.821.300.761)	(111.201.634.286)
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	149.143.576.526	74.210.497.445	394.048.402	223.748.122.373
Số cuối năm	268.726.003.954	82.435.796.185	477.676.713	351.639.476.852
Trong đó:				
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 24.2)	130.458.593.971	57.619.198.750	-	188.077.792.721

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

VND

Máy móc và thiết bị

Nguyên giá:

Số đầu năm	6.241.674.374
Thuê trong năm	12.911.334.179
Số cuối năm	19.153.008.553

Giá trị khấu hao lũy kế:

Số đầu năm	(192.380.375)
Khấu hao trong năm	(3.488.434.254)
Số cuối năm	(3.680.814.629)

Giá trị còn lại:

Số đầu năm	6.049.293.999
Số cuối năm	15.472.193.924

15. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

Phần mềm máy tính

Nguyên giá:

Số đầu năm và số cuối năm	9.665.060.000
---------------------------	---------------

Giá trị hao mòn lũy kế:

Số đầu năm	(5.991.013.219)
Hao mòn trong năm	(1.208.132.500)
Số cuối năm	(7.199.145.719)

Giá trị còn lại:

Số đầu năm	3.674.046.781
Số cuối năm	2.465.914.281

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

VND

Số cuối năm

Số đầu năm

Trường Cao đẳng nghề Licogi	72.667.017.125	72.667.017.125
Sai Gon Mekong Water Plant	54.207.534.456	-
Trạm trộn bê tông Speco 2	-	22.393.975.000
Khác	234.805.455	93.000.000
TỔNG CỘNG	127.109.357.036	95.153.992.125

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết (<i>Thuyết minh số 17.1</i>)	285.075.694.052	88.911.398.352
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (<i>Thuyết minh số 17.2</i>)	487.397.030.000	486.697.030.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (*)	24.659.519.500	24.659.519.500
TỔNG CỘNG	<u>797.132.243.552</u>	<u>600.267.947.852</u>

(*) Các khoản tiền gửi dài hạn tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc hơn mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất 7,1%/năm.

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

17.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết về khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Tình trạng hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Giá trị ghi sổ VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị ghi sổ VND	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị (*)	Đang hoạt động	Đầu tư và phát triển hạ tầng	180.000.000.000	30,00	-	-
Công ty Cổ phần Licogi 166	Đang hoạt động	Cung cấp dịch vụ xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng	46.460.425.742	46,42	45.944.055.531	46,42
Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê (**)	Đang hoạt động	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	28.362.000.000	48,90	-	-
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Đang hoạt động	Thị công lắp đặt các hệ thống điện	27.751.177.029	34,50	27.155.118.346	34,50
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Licogi 16.8	Đang hoạt động	Tư vấn, thiết kế và giám sát xây dựng	1.902.091.281	36,36	1.902.091.281	36,36
Công ty Cổ phần Cấp nước Khu kinh tế Đông nam Quảng Trị	Đang hoạt động	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	600.000.000	30,00	-	-
Công ty TNHH Nhiên liệu Sinh học Phương Đông	Đang hoạt động	Sản xuất và kinh doanh nhiên liệu sinh học bio-ethanol, bio-diesel	-	22,00	-	22,00
Công ty Cổ phần Licogi 16 M&C (***)	Đang hoạt động	Gia công và chế tạo sản phẩm cơ khí xây dựng	-	-	13.910.133.194	46,15
TỔNG CỘNG			285.075.694.052		88.911.398.352	

(*) Từ ngày 27 tháng 4 năm 2018 đến ngày 29 tháng 6 năm 2018, Nhóm Công ty góp vốn vào Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị trị giá 180.000.000.000 VND theo Nghị quyết Số 35/QĐ-LICOGI16-HĐQT ngày 28 tháng 12 năm 2017.

(**) Vào ngày 5 tháng 2 năm 2018, Nhóm Công ty đã nhận chuyển nhượng 1.956.000 cổ phần tương đương 48,9% quyền sở hữu trong Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê từ nhà đầu tư khác với tổng giá trị chuyển nhượng là 28.362.000.000 VND.

(***) Vào ngày 20 tháng 12 năm 2018, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Licogi 16 M&C theo Hợp đồng mua chuyển nhượng cổ phần góp ngày 28 tháng 11 năm 2018 với số tiền là 12.000.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

17.1 Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Chi tiết giá trị các khoản đầu tư vào công ty liên kết này như sau:

VND

Giá trị đầu tư:

Số đầu năm	199.248.674.660
Tăng trong năm	208.962.000.000
Thanh lý	<u>(12.000.000.000)</u>
Số cuối năm	<u>396.210.674.660</u>

Phần lũy kế lỗ sau khi mua công ty liên kết:

Số đầu năm	(110.337.276.308)
Phần lãi từ công ty liên kết trong năm	2.182.337.693
Cổ tức được chia trong năm	<u>(1.069.500.000)</u>
Thanh lý	<u>(1.910.541.993)</u>
Số cuối năm	<u>(111.134.980.608)</u>

Giá trị còn lại:

Số đầu năm	<u>88.911.398.352</u>
Số cuối năm	<u>285.075.694.052</u>

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

17. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

17.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chi tiết về khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác như sau:

Tên công ty	Tình trạng hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Giá gốc đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Đang hoạt động	Đầu tư và phát triển hạ tầng	378.447.030.000	19,5	378.447.030.000	19,5
Công ty Cổ phần BOT 38	Đang hoạt động	Đầu tư và phát triển hạ tầng	47.500.000.000	19	47.500.000.000	19
Công ty Cổ phần BOO Nhà máy nước Phú Ninh (*)	Đang hoạt động	Khai thác và xử lý nước	47.200.000.000	11	46.500.000.000	15
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Dankia	Đang hoạt động	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	14.250.000.000	9,5	14.250.000.000	9,5
TỔNG CỘNG			487.397.030.000		486.697.030.000	

(*) Vào ngày 1 tháng 5 năm 2018, Nhóm Công ty đã hoàn tất chuyển nhượng 9% cổ phần trong Công ty Cổ phần BOO Nhà máy nước Phú Ninh cho nhà đầu tư khác với tổng giá trị chuyển nhượng là 51.756.000.000 VND theo Nghị quyết Số 35/QĐ-LICOGI16-HĐQT ngày 28 tháng 12 năm 2017, qua đó, làm giảm tỷ lệ sở hữu trong công ty này còn 6%.

Vào ngày 15 tháng 5 năm 2018, Nhóm Công ty đã nhận chuyển nhượng 5% cổ phần trong Công ty Cổ phần BOO Nhà máy nước Phú Ninh từ nhà đầu tư khác với tổng giá trị chuyển nhượng là 28.600.000.000 VND, qua đó, làm tăng tỷ lệ sở hữu trong công ty này thành 11%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

18. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

VND

Nguyên giá:

Số đầu năm	29.333.556.645
Tăng do mua công ty con (Thuyết minh số 4)	616.887.613
Số cuối năm	29.950.444.258

Phân bổ lũy kế:

Số đầu năm	(16.672.245.484)
Phân bổ trong năm	(1.413.355.665)
Số cuối năm	(18.085.601.149)

Giá trị còn lại:

Số đầu năm	12.661.311.161
Số cuối năm	11.864.843.109

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán khác	771.413.755.842	479.782.934.127
- Jindal Saw Gulf LLC	100.531.594.785	-
- Wirtgen Singapore Pte. Ltd	64.409.787.000	-
- Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	53.483.658.338	-
- Công ty Cổ phần Licogi 13	47.940.147.769	53.709.571.099
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thép Nhân Luật	-	43.477.777.926
- Công ty Cổ phần Tổng Công ty Vĩnh Phú	-	33.087.400.000
- Khác	505.048.567.950	349.508.185.102
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 32)	69.788.242.136	103.201.278.511
TỔNG CỘNG	841.201.997.978	582.984.212.638

20. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

VND

	Số đầu năm	Số cuối năm
Người mua trả tiền trước	239.362.781.847	271.345.436.557
- Tạm ứng từ cá nhân mua dự án đất nền	43.104.201.450	169.442.249.654
- Công ty Cổ phần Đầu tư nước sạch Sông Đà	16.397.884.807	-
- Công ty Cổ phần Licogi 13	-	23.982.852.063
- Công ty Cổ phần BOT Biên Cương	-	19.507.494.726
- Khác	179.860.695.590	58.412.840.114
Bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 32)	375.522.432.975	737.990.693.314
TỔNG CỘNG	614.885.214.822	1.009.336.129.871

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

				VND
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	118.931.426	69.233.605.836	(56.307.714.149)	13.044.823.113
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.634.849.307	34.358.549.707	(17.705.636.057)	31.287.762.957
Thuế thu nhập cá nhân	2.588.132.073	10.842.837.431	(9.411.133.105)	4.019.836.400
Khác	4.318.722	8.006.750	(8.086.584)	4.238.888
TỔNG CỘNG	17.346.231.528	114.442.999.724	(83.432.569.894)	48.356.661.358

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí hoàn thành dự án các công trình xây dựng	156.048.620.827	126.383.246.458
Lương tháng 13	14.135.151.936	3.421.190.770
Lãi vay	2.875.187.514	1.164.875.874
Tiền hoa hồng	-	1.215.728.445
Khác	68.545.455	245.454.545
TỔNG CỘNG	173.127.505.732	132.430.496.092

23. PHẢI TRẢ KHÁC

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	90.404.043.219	246.670.395.986
Phạt thuế	46.620.302.219	56.662.873.850
Phải trả khoản đầu tư	26.600.000.000	20.000.000.000
Nhận tạm ứng	5.379.241.589	26.046.035.123
Chi phí sửa chữa, bảo trì	6.746.913.333	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	1.808.427.345	1.005.909.293
Vốn góp của cổ đông	-	140.500.000.000
Khác	3.249.158.733	2.455.577.720
Dài hạn	15.601.283.351	65.443.351
Nhận tạm ứng	15.535.840.000	-
Khác	65.443.351	65.443.351
TỔNG CỘNG	106.005.326.570	246.735.839.337
<i>Trong đó:</i>		
Bên khác	90.469.486.570	231.010.029.439
Bên liên quan (Thuyết minh số 32)	15.535.840.000	15.660.366.547

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	708.618.144.918	316.977.928.841
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 24.1)	615.427.152.941	274.735.555.731
Vay từ bên khác (Thuyết minh số 24.4)	9.925.928.250	-
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 24.3)	7.410.768.922	14.830.471.271
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 24.2)	71.791.788.285	26.073.005.341
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 24.5)	4.062.506.520	1.338.896.498
Dài hạn	144.291.711.098	115.576.091.869
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 24.2)	104.337.469.336	111.670.977.082
Vay từ bên khác (Thuyết minh số 24.4)	30.450.000.000	-
Nợ thuê tài chính (Thuyết minh số 24.5)	9.504.241.762	3.905.114.787
TỔNG CỘNG	852.909.856.016	432.554.020.710

Chi tiết tình hình tăng giảm các khoản vay và nợ thuê tài chính được trình bày như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	432.554.020.710	313.520.756.289
Vay trong năm	1.548.608.051.065	955.909.596.749
Thuê tài chính trong năm	12.911.334.179	6.865.677.490
Trả nợ vay trong năm	(1.136.574.952.756)	(792.120.343.613)
Trả nợ thuê tài chính trong năm	(4.588.597.182)	(1.621.666.205)
Giảm do thanh lý khoản đầu tư	-	(50.000.000.000)
Số cuối năm	852.909.856.016	432.554.020.710

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

24. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

24.1 Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn					
Khoản vay 1	269.159.464.938	Từ ngày 2 tháng 1 năm 2019 đến ngày 29 tháng 6 năm 2019	Tài trợ vốn lưu động	8,3 ~ 8,5	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Xã Long Tân, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai thuộc dự án Khu dân cư Nhơn Trạch 27ha; Tiền gửi tài khoản phong tỏa với giá trị 1.368.000.000 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh					
Khoản vay 1	95.615.372.894	Từ ngày 14 tháng 6 năm 2019 đến ngày 24 tháng 9 năm 2019	Tài trợ vốn lưu động	8,9 ~ 9,1	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Xã Long Tân, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai thuộc một phần dự án Khu dân cư Nhơn Trạch 50ha và một phần dự án Khu dân cư Nhơn Trạch 27ha
Khoản vay 2	27.717.497.965	Từ ngày 10 tháng 1 năm 2019 đến ngày 20 tháng 4 năm 2019	Tài trợ vốn lưu động	8,9	Các hợp đồng kinh tế Công ty đã ký trong Hợp đồng thế chấp quyền tài sản Số 235/2018/HDDDB/HCM/01
Khoản vay 3	44.622.208.816	Từ ngày 12 tháng 6 năm 2019 đến ngày 29 tháng 6 năm 2019	Tài trợ vốn lưu động	8,9 ~ 9,1	Các hợp đồng kinh tế Công ty đã ký trong Hợp đồng thế chấp quyền tài sản Số 374/HĐTCQTS/NHCT240-LICOGI16 và Số 433/HĐTCQTS/NHCT240-LICOGI16
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ					
Khoản vay 1	150.173.455.641	Từ ngày 14 tháng 2 năm 2019 đến ngày 29 tháng 4 năm 2019	Tài trợ vốn lưu động	7,0 ~ 7,2	Các hợp đồng kinh tế Công ty đã ký trong Hợp đồng thế chấp quyền tài sản Số 374/HĐTCQTS/NHCT240-LICOGI16 và Số 433/HĐTCQTS/NHCT240-LICOGI16
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh					
Khoản vay 1	28.139.152.687	Từ ngày 2 tháng 1 năm 2019 đến ngày 30 tháng 4 năm 2019	Tài trợ vốn lưu động	7,5	Các hợp đồng kinh tế Công ty đã ký trong Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 17.3600327/HĐTCQTS/NHCT900-Licogi
TỔNG CỘNG				615.427.152.941	

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

24.2 Các khoản vay dài hạn ngân hàng

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh					
Khoản vay 1	115.663.464.858	Từ ngày 25 tháng 1 năm 2019 đến ngày 26 tháng 10 năm 2021	Đầu tư máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải	9 ~ 9,3	Tài sản hình thành từ vốn vay
Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả	38.554.488.286				
Khoản vay 2	488.888.892	Từ ngày 26 tháng 1 năm 2019 đến ngày 26 tháng 10 năm 2020	Mua phương tiện vận tải	10,7	Tài sản hình thành từ vốn vay
Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả	266.666.666				
Khoản vay 3	357.466.661	Từ ngày 26 tháng 1 năm 2019 đến ngày 26 tháng 4 năm 2020	Mua phương tiện vận tải	10,2	Tài sản hình thành từ vốn vay
Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả	268.099.999				
Khoản vay 4	268.111.113	Từ ngày 26 tháng 1 năm 2019 đến ngày 26 tháng 7 năm 2020	Mua phương tiện vận tải	10,2	Tài sản hình thành từ vốn vay
Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả	169.333.334				

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

24. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

24.2 Các khoản vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn					
Khoản vay 1	58.962.426.097	Từ ngày 1 tháng 1 năm 2019 đến ngày 25 tháng 22 năm 2021	Mua sắm tài sản cố định	10,9	Tài sản hình thành từ vốn vay

Trong đó:
Vay dài hạn đến hạn trả 32.400.000.000

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Sài Gòn

Khoản vay 1 388.900.000
Từ ngày 31 tháng 1 năm 2019
đến ngày 30 tháng 11 năm 2021

Trong đó:
Vay dài hạn đến hạn trả 133.200.000

TỔNG CỘNG 176.129.257.621

Trong đó:
Vay dài hạn đến hạn trả 71.791.788.285
Vay dài hạn 104.337.469.336

24.3 Khoản vay ngắn hạn từ bên liên quan

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần BOT 38	5.520.471.271	Ngày kết thúc giai đoạn đầu tư dự án	Tài trợ công trình cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1A	Không	Tín chấp
Ông Đào Chí Thành	998.497.651	Ngày 10 tháng 12 năm 2019	Tài trợ vốn lưu động	Không	Tín chấp
Ông Bùi Văn Sinh	891.800.000	Ngày 30 tháng 7 năm 2019	Tài trợ vốn lưu động	Không	Tín chấp
TỔNG CỘNG	7.410.768.922				

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

24. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

24.4 Các khoản vay từ bên khác

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Vay ngắn hạn					
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Quốc tế	6.675.928.250	Ngày 21 tháng 3 năm 2019	Tài trợ vốn lưu động	1	Tín chấp
Ông Nguyễn Văn Khánh	1.200.000.000	Ngày kết thúc dự án Bệnh viện II Lâm Đồng	Tài trợ vốn lưu động	Không	Tín chấp
Bà Nguyễn Thị Quế	1.100.000.000	Ngày kết thúc dự án Bệnh viện II Lâm Đồng	Tài trợ vốn lưu động	Không	Tín chấp
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng ACC	500.000.000	Ngày kết thúc dự án Bệnh viện II Lâm Đồng	Tài trợ vốn lưu động	Không	Tín chấp
Ông Trịnh Hồng Sơn	250.000.000	Ngày 22 tháng 4 năm 2019	Tài trợ vốn lưu động	Không	Tín chấp
Bà Võ Thị Độ	200.000.000	Ngày kết thúc dự án Bệnh viện II Lâm Đồng	Tài trợ vốn lưu động	Không	Tín chấp
TỔNG CỘNG	9.925.928.250				
Vay dài hạn					
Công ty TNHH Đầu tư Thủy Nguyên Xanh	15.500.000.000	Ngày 26 tháng 12 năm 2021	Tài trợ vốn lưu động	5,5	Tín chấp
Khoản vay 1	6.000.000.000	Ngày 12 tháng 9 năm 2021	Tài trợ vốn lưu động	6	Tín chấp
Khoản vay 2	5.000.000.000	Ngày 1 tháng 11 năm 2021	Tài trợ vốn lưu động	6	Tín chấp
Khoản vay 3	3.950.000.000	Ngày 9 tháng 11 năm 2021	Tài trợ vốn lưu động	6	Tín chấp
Khoản vay 4					
TỔNG CỘNG	30.450.000.000				
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn trả	-				
Vay dài hạn	30.450.000.000				

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

24. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

24.5 Nợ thuế tài chính

Nhóm Công ty hiện đang thuế thiết bị theo hợp đồng thuế tài chính. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuế phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuế tài chính được trình bày như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm		VND
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu	Lãi thuế tài chính	Nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu	Lãi thuế tài chính
Nợ thuế tài chính ngắn hạn					
Từ 1 năm trở xuống	4.966.424.941 4.966.424.941	903.918.421 903.918.421	4.062.506.520 4.062.506.520	1.748.509.694 1.748.509.694	409.613.196 409.613.196
Nợ thuế tài chính dài hạn					
Từ 1 đến 5 năm	10.371.081.566 10.371.081.566	866.839.804 866.839.804	9.504.241.762 9.504.241.762	4.374.545.369 4.374.545.369	3.905.114.787 3.905.114.787
TỔNG CỘNG	15.337.506.507	1.770.758.225	13.566.748.282	6.123.055.063	5.244.011.285

25. DỰ PHÒNG NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Dự phòng chi phí bảo hành Dự án Hiệp Thành	21.174.781.145	-	-

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU

26.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
						VND
Năm trước						
Số đầu năm	762.499.560.000	93.686.613.494	(3.390.000)	119.204.302.363	70.721.042.099	1.046.108.127.956
Tăng vốn cổ phần	17.500.440.000	-	-	-	-	17.500.440.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	78.061.218.372	78.061.218.372
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(7.243.912.618)	(7.243.912.618)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(53.374.732.600)	(53.374.732.600)
Khác	-	(10.000)	10.000	-	-	-
Số cuối năm	780.000.000.000	93.686.603.494	(3.380.000)	119.204.302.363	88.163.615.253	1.081.051.141.110
Năm nay						
Số đầu năm	780.000.000.000	93.686.603.494	(3.380.000)	119.204.302.363	88.163.615.253	1.081.051.141.110
Tăng vốn cổ phần (*)	220.000.000.000	-	-	-	-	220.000.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	164.576.999.715	164.576.999.715
Thường Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(780.612.184)	(780.612.184)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(69.999.763.400)	(69.999.763.400)
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(18.768.000.000)	-	-	(18.768.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(3.903.060.919)	(3.903.060.919)
Số cuối năm	1.000.000.000.000	93.686.603.494	(18.771.380.000)	119.204.302.363	178.057.178.465	1.372.176.704.322

(*) Vào ngày 30 tháng 1 năm 2018, Công ty đã hoàn tất việc phát hành riêng lẻ 22.000.000 cổ phiếu theo mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu (tổng giá trị 220.000.000.000 VND) theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2017. Việc tăng vốn này đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận thông qua việc ban hành GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 18 ngày 20 tháng 3 năm 2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

26.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm	780.000.000.000	762.499.560.000
Tăng vốn trong năm	220.000.000.000	17.500.440.000
Số cuối năm	1.000.000.000.000	780.000.000.000

26.3 Cổ phiếu - cổ phiếu phổ thông

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Số cổ phiếu	Số cổ phiếu
Cổ phiếu được phép phát hành	100.000.000	78.000.000
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ Cổ phiếu phổ thông	100.000.000	78.000.000
Cổ phiếu quỹ Cổ phiếu phổ thông	(2.000.338)	(338)
Cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	97.999.662	77.999.662

26.4 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu được tính toán như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	164.576.999.715	78.061.218.372
Trừ: Quỹ khen thưởng và phúc lợi (i)	(8.228.849.986)	(3.903.060.919)
Lợi nhuận thuần sau điều chỉnh phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	156.348.149.729	74.158.157.453
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	97.769.525	76.614.011
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.599	968

- (i) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến trích lập với tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2018 ngày 5 tháng 5 năm 2018.

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

27. DOANH THU

27.1 Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ

		VND
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	2.526.375.101.138	1.514.865.938.042
Doanh thu dịch vụ xây dựng	1.862.171.914.438	1.049.466.011.249
Doanh thu từ bán đất nền và chung cư	610.567.530.440	334.470.591.529
Doanh thu bán hàng	52.717.835.070	130.802.789.808
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	917.821.190	126.545.456
Giảm trừ doanh thu	(24.721.369.000)	-
TỔNG CỘNG	2.501.653.732.138	1.514.865.938.042

27.2 Doanh thu hoạt động tài chính

		VND
	Năm nay	Năm trước
Lãi từ chuyển nhượng khoản đầu tư	23.856.000.000	31.374.581.443
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	13.979.847.200	6.078.287.377
Khác	13.900.000	-
TỔNG CỘNG	37.849.747.200	37.452.868.820

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

		VND
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ xây dựng	1.673.450.638.845	1.011.174.285.146
Giá vốn bán đất nền và chung cư	447.013.417.542	213.657.827.828
Giá vốn hàng bán	52.613.674.719	124.458.389.520
Giá vốn dịch vụ cung cấp	2.558.979.841	-
TỔNG CỘNG	2.175.636.710.947	1.349.290.502.494

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

		VND
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	54.262.655.498	35.201.301.289
Lãi trả chậm	3.640.928.639	-
Lỗ do thanh lý khoản đầu tư	1.910.541.993	-
Khác	894.717.353	311.334.588
TỔNG CỘNG	60.708.843.483	35.512.635.877

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	27.853.806.906	31.744.906.508
- Chi phí hoa hồng	27.281.157.903	31.451.474.202
- Chi phí khác	572.649.003	293.432.306
Chi phí quản lý doanh nghiệp	65.138.591.340	45.942.692.170
- Chi phí lương	38.117.802.105	26.538.756.126
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.669.407.642	3.612.038.829
- Chi phí khấu hao và hao mòn	1.921.095.985	2.181.341.413
- Phân bổ lợi thế thương mại	1.413.355.665	2.933.355.665
- Chi phí khác	20.016.929.943	10.677.200.137
TỔNG CỘNG	92.992.398.246	77.687.598.678

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Nhóm Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại doanh nghiệp khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

31.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	34.344.266.020	23.724.752.828
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(3.568.133.261)	(9.100.436.716)
TỔNG CỘNG	30.776.132.759	14.624.316.112

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

31.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	213.576.653.776	99.920.495.414
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng	42.715.330.755	19.984.099.083
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	4.127.282.712	2.910.750.826
Điều chỉnh hợp nhất do thanh lý khoản đầu tư	382.108.399	(2.345.021.889)
Phân bổ lợi thế thương mại	282.671.133	586.671.133
Thay đổi dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trên báo cáo riêng	-	2.132.223.986
Thay đổi dự phòng phải thu khó đòi	-	255.785.826
Thay đổi trợ cấp thôi việc phải trả	-	(19.945.250)
Chênh lệch chi phí khấu hao	-	(125.457.156)
Thay đổi chi phí phải trả ngắn hạn	-	(1.017.750.247)
Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết	(436.467.539)	(1.898.712.717)
Thay đổi lợi nhuận chưa thực hiện	(605.412.145)	(5.505.030.929)
Thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận những năm trước	(7.184.555.598)	-
Lỗi năm trước chuyển sang	(8.504.824.957)	(333.296.554)
Chi phí thuế TNDN	30.776.132.759	14.624.316.112

31.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

31.3 Thuế TNDN hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại (thuế TNDN hoãn lại phải trả) với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
			VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.117.876.253	-	5.117.876.253	-
Lợi nhuận chưa thực hiện	1.307.613.691	4.779.618.634	(3.472.004.943)	4.779.618.634
Khấu hao	777.672.730	-	777.672.730	-
Trợ cấp thôi việc phải trả	298.650.300	-	298.650.300	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	252.731.276	-	252.731.276	-
Chênh lệch đánh giá hàng tồn kho từ hợp nhất kinh doanh	(1.672.352.591)	(2.265.560.236)	593.207.645	4.320.818.082
Tài sản thuế TNDN hoãn lại thuần	6.082.191.659	2.514.058.398		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại			3.568.133.261	9.100.436.716

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

32. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>	<i>VND</i>
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	662.542.472.094	173.437.944.094	
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	Công ty liên kết	Góp vốn	180.000.000.000	-	
Công ty Cổ phần BOO Nhà máy nước Phú Ninh	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	134.949.997.763	384.063.055.632	
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Nhận cung cấp dịch vụ xây dựng Nhận tạm ứng Phí bảo lãnh	174.274.196.716 48.792.457.122 2.606.479.800	114.709.848.856 50.000.000.000 2.750.822.242	
Công ty Cổ phần Licogi 166	Công ty liên kết	Bán nguyên vật liệu Cho vay	30.330.445.153 4.000.000.000	6.606.403.371 -	
Ông Phí Ngọc Anh	Thành viên Ban TGD	Cung cấp dịch vụ xây dựng	273.002.608	6.797.664.376	
		Chuyển nhượng vốn	12.000.000.000	-	

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

32. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng					
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	290.772.460.559	97.420.302.557	
Công ty Cổ phần BOO Nhà máy nước Phú Ninh	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	134.997.236.199	80.120.403.597	
Công ty Cổ phần BOT 38	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	28.293.236.718	28.293.236.718	
Công ty Cổ phần Licogi 166	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ xây dựng	22.611.444.507	-	
Công ty TNHH Nhiên liệu Sinh học Phương Đông	Công ty liên kết	Cho thuê Bán nguyên liệu và phí bảo lãnh	11.878.702.365	1.321.425.440	
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết		7.929.833.930	-	
Ông Tăng Quốc Thuộc	Tổng Giám đốc ("TGD")	Bán đất nền	74.387.520	520.712.640	
Ông Lê Vũ Nam	Thành viên HĐQT	Bán đất nền	53.303.856	453.082.776	
TỔNG CỘNG			496.610.605.654	208.129.163.728	
Trả trước cho người bán ngắn hạn					
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Mua dịch vụ xây dựng	40.760.129.306	12.305.362.686	
Công ty Cổ phần Licogi 166	Công ty liên kết	Mua dịch vụ xây dựng	20.665.400.000	3.700.000.000	
Công ty Cổ phần Licogi 16 M&C	Công ty liên kết	Mua dịch vụ xây dựng	-	3.151.128.862	
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Licogi 16.8	Công ty liên kết	Mua dịch vụ xây dựng	-	478.644.488	
TỔNG CỘNG			61.425.529.306	19.635.136.036	

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

32. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
			VND	
Phải thu về cho vay				
Ông Trần Duy Doanh	Thành viên góp vốn Công ty CT12	Cho vay	6.000.000.000	6.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác				
Ông Trần Duy Doanh	Thành viên góp vốn Công ty CT12	Tạm ứng	20.129.871.740	20.129.871.740
Ông Phi Ngọc Anh	Thành viên Ban TGD	Chuyển nhượng vốn	4.600.000.000	53.102.137
Công ty Cổ phần Licogi 166	Công ty liên kết	Tạm ứng	2.000.000.000	2.000.000.000
Bà Lê Thị Phương Nam	Thành viên Ban TGD	Tạm ứng	300.000.000	-
Công ty Cổ phần Licogi 16 M&C	Công ty liên kết	Tạm ứng	-	9.855.891.968
Ông Nguyễn Tiến Đạt	Thành viên Ban TGD	Tạm ứng	-	1.313.720.413
TỔNG CỘNG			27.029.871.740	33.352.586.258
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Mua dịch vụ xây dựng	43.000.000.000	73.486.692.109
Công ty Cổ phần Licogi 166	Công ty liên kết	Mua dịch vụ xây dựng	26.787.242.136	29.180.108.189
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Licogi 16.8	Công ty liên kết	Dịch vụ khác	1.000.000	-
Công ty Cổ phần Licogi 16 M&C	Công ty liên kết	Mua dịch vụ xây dựng	-	534.478.213
TỔNG CỘNG			69.788.242.136	103.201.278.511

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

32. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	351.564.336.424	687.809.150.099
Công ty Cổ phần BOO Nhà máy nước Phú Ninh	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	22.782.471.551	47.731.108.800
Ông Tăng Quốc Thuộc	TGD	Bán đất nền	689.700.000	471.900.000
Ông Hoàng Minh Khai	Thành viên Ban TGD	Bán đất nền	485.925.000	645.863.790
Ông Bùi Dương Hùng	Chủ tịch HĐQT	Bán đất nền	-	667.720.625
Ông Phí Ngọc Anh	Thành viên Ban TGD	Bán đất nền	-	664.950.000
TỔNG CỘNG			375.522.432.975	737.990.693.314
Phải trả khác				
Ông Trần Duy Doanh	Thành viên góp vốn Công ty CT12	Tạm ứng	15.535.840.000	15.660.366.547
Vay				
Công ty Cổ phần BOT 38	Bên liên quan	Vay	5.520.471.271	14.830.471.271
Ông Đào Chí Thành	Thành viên góp vốn Công ty Licons	Vay	998.497.651	-
Ông Bùi Văn Sinh	Thành viên góp vốn Công ty Licons	Vay	891.800.000	-
TỔNG CỘNG			7.410.768.922	14.830.471.271
Phải trả người bán dài hạn				
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Mua dịch vụ xây dựng	80.207.294.642	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

32. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	9.416.242.672	7.851.520.688

33. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Nhóm Công ty thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	1.791.054.042	1.554.139.200
Trên 1 đến 5 năm	717.415.527	2.930.592.888
TỔNG CỘNG	2.508.469.569	4.484.732.088

Cam kết góp vốn

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Nhóm Công ty có khoản cam kết với số tiền 103.900.000.000 VND liên quan đến nghĩa vụ góp vốn đầu tư vào các công ty liên kết.

34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Nhóm Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực là phát triển và kinh doanh bất động sản, cung cấp dịch vụ xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; mua bán vật liệu xây dựng.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Nhóm Công ty như sau:

	Dịch vụ xây dựng	Bất động sản	Hoạt động khác	Điều chỉnh hợp nhất	VND Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018					
Doanh thu thuần					
<i>Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài</i>	1.855.350.140.170	610.567.530.440	101.614.650.250	(65.878.588.722)	2.501.653.732.138
Tổng doanh thu thuần	1.855.350.140.170	610.567.530.440	101.614.650.250	(65.878.588.722)	2.501.653.732.138
Kết quả hoạt động kinh doanh					
<i>Lợi nhuận gộp của bộ phận</i>	166.887.894.285	141.609.879.172	548.573.244	16.970.674.490	326.017.021.191
<i>Chi phí không phân bổ</i>					(92.992.398.246)
<i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>					37.849.747.200
<i>Chi phí tài chính</i>					(60.708.843.483)
<i>Lợi nhuận khác</i>					1.228.789.421
<i>Phần lãi từ công ty liên kết</i>					2.182.337.693
<i>Lợi nhuận thuần trước thuế</i>					213.576.653.776
<i>Chi phí thuế TNDN hiện hành</i>					(34.344.266.020)
<i>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</i>					3.568.133.261
Lợi nhuận thuần sau thuế					182.800.521.017
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018					
Tài sản và công nợ					
<i>Tài sản bộ phận</i>	2.301.718.657.265	467.460.454.684	127.109.357.036	(115.392.116.447)	2.780.896.352.538
<i>Tài sản không phân bổ</i>					1.448.710.887.895
Tổng tài sản	2.301.718.657.265	467.460.454.684	127.109.357.036	(115.392.116.447)	4.229.607.240.433
<i>Công nợ bộ phận</i>	2.687.118.001.666	184.322.423.631	60.570.777.191	(369.679.333.298)	2.562.331.869.190
<i>Công nợ không phân bổ</i>					194.768.279.234
Tổng công nợ	2.687.118.001.666	184.322.423.631	60.570.777.191	(369.679.333.298)	2.757.100.148.424

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Nhóm Công ty như sau:

	Dịch vụ xây dựng	Bất động sản	Hoạt động khác	Điều chỉnh hợp nhất	VND Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017					
Doanh thu thuần					
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	967.665.678.529	447.746.609.693	132.238.426.174	(32.784.776.354)	1.514.865.938.042
Tổng doanh thu thuần	967.665.678.529	447.746.609.693	132.238.426.174	(32.784.776.354)	1.514.865.938.042
Kết quả hoạt động kinh doanh					
Lợi nhuận gộp của bộ phận	29.473.582.992	147.044.396.444	7.580.036.654	(18.522.580.542)	165.575.435.548
Chi phí không phân bổ					(77.687.598.678)
Doanh thu hoạt động tài chính					37.452.868.820
Chi phí tài chính					(35.512.635.877)
Lợi nhuận khác					598.862.014
Phần lỗ từ công ty liên kết					9.493.563.587
Lợi nhuận thuần trước thuế					99.920.495.414
Chi phí thuế TNDN hiện hành					(23.724.752.828)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại					9.100.436.716
Lợi nhuận thuần sau thuế					85.296.179.302
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017					
Tài sản và công nợ					
Tài sản bộ phận	1.219.405.484.498	551.592.877.753	198.887.017.125	(36.097.901.639)	1.933.787.477.737
Tài sản không phân bổ					1.630.516.898.856
Tổng tài sản					3.564.304.376.593
Công nợ bộ phận	1.960.731.517.671	245.684.334.660	40.405.725.000	(89.516.718.020)	2.157.304.859.311
Công nợ không phân bổ					279.187.287.884
Tổng công nợ					2.436.492.147.195

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

35. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.



Đỗ Văn Hưởng
Người lập



Nguyễn Văn Việt
Kế toán trưởng



Tăng Quốc Thuộc
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2019